

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Nhân	LNH006863	2	27.00	3.5	30.50
2	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	2	26.25	3.5	29.75
3	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	2	26.25	3.5	29.75
4	Quảng Thị	Thanh	TTB005699	1	26.25	3.5	29.75
5	Phạm Bá	Đạt	HDT005374	2	26.00	3.5	29.50
6	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	2	26.00	3.5	29.50
7	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	2	26.00	3.5	29.50
8	Triệu Linh	Đan	TND004771	1	26.00	3.5	29.50
9	Phạm Thị	Nga	HDT017497	2	25.75	3.5	29.25
10	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	2	25.75	3.5	29.25
11	Lường Văn	Đông	TTB001526	2	25.75	3.5	29.25
12	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	2	25.50	3.5	29.00
13	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	2	25.50	3.5	29.00
14	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	2	25.50	3.5	29.00
15	Đàm Thị	Thiệp	TND023907	2	25.50	3.5	29.00
16	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	2	25.50	3.5	29.00
17	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	2	26.50	2.5	29.00
18	Bùi Thị	Nương	HDT019148	2	25.50	3.5	29.00
19	Hà Thị	Chang	TND002060	2	25.50	3.5	29.00
20	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	1	25.50	3.5	29.00
21	Chu Thị	Oanh	TND019256	1	25.50	3.5	29.00
22	Bàn Thị	Vân	TND029017	1	25.50	3.5	29.00
23	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	2	25.25	3.5	28.75
24	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	2	25.25	3.5	28.75
25	Quan Thị Thu	Quỳnh	TQU004637	2	25.25	3.5	28.75
26	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	2	27.25	1.5	28.75
27	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	2	25.25	3.5	28.75
28	Quan Thị	Nga	DCN007886	2	25.25	3.5	28.75
29	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	2	25.25	3.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Trần Thị	Hằng	TDV009422	2	27.25	1.5	28.75
31	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	1	25.25	3.5	28.75
32	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DHU011359	2	27.50	1.0	28.50
33	Dương Thị	Thư	TTB006434	2	27.00	1.5	28.50
34	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	2	27.00	1.5	28.50
35	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	2	28.00	0.5	28.50
36	Lò Thị	Diện	TTB001037	2	25.00	3.5	28.50
37	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	2	27.00	1.5	28.50
38	Võ Thị	Huyền	TDV013985	2	27.00	1.5	28.50
39	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	2	25.00	3.5	28.50
40	Hoàng Thị	Nguyễn	TND018296	2	25.00	3.5	28.50
41	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	2	25.00	3.5	28.50
42	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	2	25.00	3.5	28.50
43	Đặng Hồng	Minh	THV008679	2	25.00	3.5	28.50
44	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	2	25.00	3.5	28.50
45	Bùi Thị	Giang	DCN002642	1	25.00	3.5	28.50
46	Vừ A	Tủa	TTB007052	1	25.00	3.5	28.50
47	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	2	24.75	3.5	28.25
48	Nông Thu	Trang	DCN011942	2	24.75	3.5	28.25
49	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	2	26.75	1.5	28.25
50	Lê Thị	Thế	TND023694	2	24.75	3.5	28.25
51	Hoàng Thị	Ly	TND015654	2	24.75	3.5	28.25
52	Phan Đức	Quý	TND020712	2	24.75	3.5	28.25
53	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	2	24.75	3.5	28.25
54	Lưu Thị	Mai	SPH010983	2	27.25	1.0	28.25
55	Nông Thị	Phương	KQH010977	2	24.75	3.5	28.25
56	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	1	24.75	3.5	28.25
57	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	TND006904	1	24.75	3.5	28.25
58	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	1	24.75	3.5	28.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	1	26.25	2.0	28.25
60	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	3	26.50	1.5	28.00
61	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	2	24.50	3.5	28.00
62	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	2	26.50	1.5	28.00
63	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	2	26.50	1.5	28.00
64	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	2	24.50	3.5	28.00
65	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	2	26.00	2.0	28.00
66	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	2	24.50	3.5	28.00
67	Nguyễn Thị	Tâm	DCN009847	2	24.50	3.5	28.00
68	Đinh Phương	Thảo	TTB005848	2	26.50	1.5	28.00
69	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	2	26.50	1.5	28.00
70	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	2	27.50	0.5	28.00
71	Hoàng Thị	Phượng	TQU004408	2	24.50	3.5	28.00
72	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	2	26.50	1.5	28.00
73	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	2	26.50	1.5	28.00
74	Trần Thị	Lan	TDV015694	2	26.00	2.0	28.00
75	La Thị	Lệ	DCN006045	2	24.50	3.5	28.00
76	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	2	24.50	3.5	28.00
77	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	2	26.50	1.5	28.00
78	Bùi Thị	Phượng	LNH007269	2	24.50	3.5	28.00
79	Đàm Thị	Nhung	TND018794	2	24.50	3.5	28.00
80	Lương Thị	Bền	TDV002344	2	24.50	3.5	28.00
81	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	2	26.50	1.5	28.00
82	Và A	Tủa	TTB007056	1	24.50	3.5	28.00
83	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	1	24.50	3.5	28.00
84	Vừ A	Dia	TTB001020	1	24.50	3.5	28.00
85	Lý Thị Thanh	Huế	TND010084	1	24.50	3.5	28.00
86	Cà Văn	Chung	TTB000727	1	24.50	3.5	28.00
87	Cà Thị	Quyên	TTB005107	1	24.50	3.5	28.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	2	26.25	1.5	27.75
89	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	2	24.25	3.5	27.75
90	Lý Thị	An	TND000038	2	24.25	3.5	27.75
91	Lự Thị	Thúy	THV013127	2	24.25	3.5	27.75
92	Đàm Văn	Thực	TND025270	2	24.25	3.5	27.75
93	Lý Thị	Hồng	TQU002137	2	24.25	3.5	27.75
94	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	2	24.25	3.5	27.75
95	Hoàng Thị	Trang	HDT026389	2	24.25	3.5	27.75
96	Triệu Hồng	Nhung	THV009964	2	24.25	3.5	27.75
97	Vương Hồng	Huyền	THP006755	2	26.75	1.0	27.75
98	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	2	27.25	0.5	27.75
99	Triệu Thị	Lấy	TND013609	2	24.25	3.5	27.75
100	Hoàng Thị	Hà	DCN002833	2	24.25	3.5	27.75
101	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	2	24.25	3.5	27.75
102	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	2	26.25	1.5	27.75
103	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	2	26.75	1.0	27.75
104	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	2	26.25	1.5	27.75
105	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	2	26.25	1.5	27.75
106	Lò Văn	Duyên	HDT004727	2	24.25	3.5	27.75
107	Đào Thị	Thúy	SPH016697	2	26.25	1.5	27.75
108	Vũ Thị Huyền	Trang	TQU005926	2	26.25	1.5	27.75
109	Hà Thị Thu	Đẹp	TND005102	1	24.25	3.5	27.75
110	Bùi Thị	Thủy	LNH009166	1	24.25	3.5	27.75
111	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	1	26.25	1.5	27.75
112	Lương Thị	Hiếu	DCN003882	1	24.25	3.5	27.75
113	Đinh Thị	Thảo	TND022868	1	24.25	3.5	27.75
114	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	2	24.00	3.5	27.50
115	Lý Thái	Bảo	TND001546	2	24.00	3.5	27.50
116	Nguyễn Thị Minh	Hân	TQU001669	2	26.00	1.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Vi Thị	Vân	TND029204	2	24.00	3.5	27.50
118	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	2	26.00	1.5	27.50
119	Hà Thị	Hảo	TND007154	2	24.00	3.5	27.50
120	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017324	2	26.50	1.0	27.50
121	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	2	24.00	3.5	27.50
122	Lê Quốc	Hào	TDV008777	2	26.00	1.5	27.50
123	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	2	27.00	0.5	27.50
124	Phạm Thu	Phượng	HDT020052	2	24.00	3.5	27.50
125	Lê Thị	Duyên	THP002581	2	27.00	0.5	27.50
126	Mã Thanh	Lâm	TND013503	2	24.00	3.5	27.50
127	Lương Thị Hồng	Gấm	THV003168	2	24.00	3.5	27.50
128	Nguyễn Thị	Thúy	THP014491	2	26.50	1.0	27.50
129	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	2	26.00	1.5	27.50
130	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	2	26.00	1.5	27.50
131	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	2	26.00	1.5	27.50
132	Hà Thu	Hằng	TTB002005	2	24.00	3.5	27.50
133	Trần Thị Như	Quỳnh	TTB005235	2	26.00	1.5	27.50
134	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	2	24.00	3.5	27.50
135	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	2	27.00	0.5	27.50
136	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	2	24.00	3.5	27.50
137	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013790	2	26.00	1.5	27.50
138	Lê Phượng	Anh	HDT000573	2	26.00	1.5	27.50
139	Lường Thị	Hằng	TTB002030	2	24.00	3.5	27.50
140	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	2	27.00	0.5	27.50
141	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	1	24.00	3.5	27.50
142	Bế Thị	Hường	TND012099	1	24.00	3.5	27.50
143	Nông Thị	Đào	TND004806	1	24.00	3.5	27.50
144	Vy Mỹ	Linh	TND014890	1	24.00	3.5	27.50
145	Chu Thị	Duyên	TND004274	1	24.00	3.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Nông Thị	Loan	TND015028	1	24.00	3.5	27.50
147	Đoàn Văn	Tiếp	TQU005653	1	26.00	1.5	27.50
148	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	1	24.00	3.5	27.50
149	Hà Thị	Hương	HHA006747	1	24.00	3.5	27.50
150	Phạm Mai	Thảo	TTB005925	1	26.00	1.5	27.50
151	Quan Thủy	Ngân	TQU003830	1	24.00	3.5	27.50
152	Nông Thị	Quyên	TND020825	1	24.00	3.5	27.50
153	Hà Thị	Luyến	TQU003406	1	24.00	3.5	27.50
154	Hoàng Thùy	Dung	TND003697	1	24.00	3.5	27.50
155	Trần Thị	Thủy	YTB021441	1	26.50	1.0	27.50
156	Lù Thị	Tâm	DCN009835	2	23.75	3.5	27.25
157	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	2	23.75	3.5	27.25
158	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	2	26.25	1.0	27.25
159	Lê Thị	Hương	HDT012158	2	26.25	1.0	27.25
160	Nông Văn	Quân	TQU004497	2	23.75	3.5	27.25
161	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	2	25.75	1.5	27.25
162	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	2	25.75	1.5	27.25
163	Trần Phương	Anh	TTB000267	2	25.75	1.5	27.25
164	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	2	25.75	1.5	27.25
165	Kim Thảo	Linh	TQU003121	2	23.75	3.5	27.25
166	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	2	23.75	3.5	27.25
167	Mã Thị	Thanh	SPH015271	2	23.75	3.5	27.25
168	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	2	25.75	1.5	27.25
169	Lã Thị	Linh	YTB012556	2	25.75	1.5	27.25
170	Hà Thị	Hằng	KQH004209	2	23.75	3.5	27.25
171	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	2	25.75	1.5	27.25
172	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	2	25.75	1.5	27.25
173	Ma Thị Thanh	Tâm	TND022075	2	23.75	3.5	27.25
174	Bùi Thị Hải	Linh	TDV016205	2	26.75	0.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	La Thị	Dung	THV002048	2	23.75	3.5	27.25
176	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	2	26.75	0.5	27.25
177	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	2	26.25	1.0	27.25
178	Dương Thị Thục	Chinh	TND002475	2	23.75	3.5	27.25
179	Đặng Thị	Nga	TDV020349	2	25.75	1.5	27.25
180	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	2	23.75	3.5	27.25
181	Phạm Thu	Hảo	THP004409	2	26.75	0.5	27.25
182	Đinh Thị	Chinh	HDT002715	2	23.75	3.5	27.25
183	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	2	26.75	0.5	27.25
184	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	2	25.75	1.5	27.25
185	Nông Thị	Son	TND021467	2	23.75	3.5	27.25
186	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	TDV007883	1	25.75	1.5	27.25
187	Lý Thị Bích	Nguyệt	TND018376	1	23.75	3.5	27.25
188	Nguyễn Duy	Tuấn	KQH015443	1	25.75	1.5	27.25
189	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	1	25.75	1.5	27.25
190	Hồ Văn	Trai	DHU024012	1	23.75	3.5	27.25
191	Lục Thu	Hồng	TND009756	1	23.75	3.5	27.25
192	Nguyễn Thị	Lan	TND013328	1	25.75	1.5	27.25
193	Trần Thị	Luyến	TND015426	1	25.75	1.5	27.25
194	Nông Thu	Hồng	TND009851	1	23.75	3.5	27.25
195	Cao Thị Thu	Hoài	TND009065	1	25.75	1.5	27.25
196	Chờ Thị	Huyền	TND010935	1	23.75	3.5	27.25
197	Nông Thị	Xâm	TND029728	1	23.75	3.5	27.25
198	Nguyễn Thị Thanh	Mai	KQH008813	1	23.75	3.5	27.25
199	Phùng Thị Kiều	Trinh	HDT027446	1	25.75	1.5	27.25
200	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	1	23.75	3.5	27.25
201	Nguyễn Phương	Trang	THP015142	1	26.25	1.0	27.25
202	Đàm Thị	Thảo	KQH012532	1	23.75	3.5	27.25
203	Vũ Thị Ngọc	ánh	TND001460	1	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Nguyễn Thùy	Linh	DHU011394	1	25.75	1.5	27.25
205	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	1	25.75	1.5	27.25
206	Lò Thị	Quy	TND020656	1	23.75	3.5	27.25
207	Hoàng Phương	Anh	SPH000401	1	26.75	0.5	27.25
208	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	1	26.75	0.5	27.25
209	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	1	24.75	2.5	27.25
210	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	2	23.50	3.5	27.00
211	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	HDT004666	2	25.50	1.5	27.00
212	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	HDT025655	2	24.50	2.5	27.00
213	Nông Phương	Thảo	TND023241	2	23.50	3.5	27.00
214	Phạm Thị	Nga	THP010025	2	26.00	1.0	27.00
215	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	2	25.50	1.5	27.00
216	Trịnh Thị	Châm	TND002122	2	23.50	3.5	27.00
217	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	2	26.00	1.0	27.00
218	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	2	23.50	3.5	27.00
219	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	2	26.00	1.0	27.00
220	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	2	25.50	1.5	27.00
221	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	2	23.50	3.5	27.00
222	Phạm Mai	Trang	TND026654	2	25.50	1.5	27.00
223	Đoàn Thị Phương	Trinh	TND026914	2	23.50	3.5	27.00
224	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	2	25.50	1.5	27.00
225	Nguyễn Thị Thuý	Linh	THP008419	2	26.00	1.0	27.00
226	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	2	26.00	1.0	27.00
227	Ma Thị	ánh	TQU000275	2	23.50	3.5	27.00
228	Lương Văn	Qui	THV010880	2	23.50	3.5	27.00
229	Ngô Thanh	Huyền	TQU002449	2	23.50	3.5	27.00
230	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	2	26.50	0.5	27.00
231	Lương Thị	Vân	TND029086	2	23.50	3.5	27.00
232	Ngô Hồng	Hạnh	TND006956	2	23.50	3.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Lò Đức	Giang	TTB001642	2	23.50	3.5	27.00
234	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	2	26.50	0.5	27.00
235	Đỗ Thị	Thoa	HDT024146	2	25.50	1.5	27.00
236	Phạm Thị Linh	Trang	HDT027041	2	25.50	1.5	27.00
237	Vũ Thị	Thành	BKA011812	2	26.00	1.0	27.00
238	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	2	25.50	1.5	27.00
239	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	2	25.50	1.5	27.00
240	Triệu Văn	Tuyền	TND028499	2	23.50	3.5	27.00
241	Đặng Thủy	Vân	THV015105	2	23.50	3.5	27.00
242	Châu Thị	Đẹp	KQH002942	2	23.50	3.5	27.00
243	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	2	26.00	1.0	27.00
244	Cà Thị	út	TTB007347	2	23.50	3.5	27.00
245	Vương Thị Tuyết	Trình	KQH014933	2	26.50	0.5	27.00
246	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	2	26.50	0.5	27.00
247	Triệu Thị	Mây	TND016355	2	23.50	3.5	27.00
248	Hoàng Thị	Sa	THV011215	2	25.50	1.5	27.00
249	Đặng Hiền	Thương	TND025302	2	25.50	1.5	27.00
250	Đặng Thị	Liêm	KQH007587	2	23.50	3.5	27.00
251	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	2	25.50	1.5	27.00
252	Lường Thị	Hải	TTB001865	1	23.50	3.5	27.00
253	Chu Ngọc	Diệp	TND003446	1	23.50	3.5	27.00
254	Hà Thị	Phương	LNH007300	1	23.50	3.5	27.00
255	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	1	23.50	3.5	27.00
256	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	1	26.50	0.5	27.00
257	Hà Thị Kim	Trang	LNH009705	1	23.50	3.5	27.00
258	Trần Thị	Hằng	TQU001659	1	24.50	2.5	27.00
259	Nguyễn Thị	Hằng	TTB002038	1	25.50	1.5	27.00
260	Nguyễn Thị	Thắm	YTB020094	1	26.50	0.5	27.00
261	Lò Thị	Thanh	TTB005671	1	23.50	3.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

Trang 10

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Bùi Thị Thu	Hà	TND006094	1	25.50	1.5	27.00
263	Trần Thị	Oanh	TDV023128	1	25.50	1.5	27.00
264	Hoàng Thu	Hương	TND011776	1	23.50	3.5	27.00
265	Thên Mai	Ngọc	THV009576	1	23.50	3.5	27.00
266	Vương	Tin	THV013479	1	23.50	3.5	27.00
267	Lục Thị	Nhinh	TND018730	1	23.50	3.5	27.00
268	Nguyễn Thị	Sang	THP012488	1	26.50	0.5	27.00
269	Trần Thu	Ngân	THV009292	1	25.50	1.5	27.00
270	Hà Thị	Xuyến	TTB007651	1	23.50	3.5	27.00
271	Lang Thị	Trang	DCN011718	1	23.50	3.5	27.00
272	Giàng Thị	Pằng	KQH010601	1	23.50	3.5	27.00
273	Trần Diệu	Linh	TTB003588	1	25.50	1.5	27.00
274	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	TND007570	1	23.50	3.5	27.00
275	Trần Thị Huyền	Trang	TQU005909	1	25.50	1.5	27.00
276	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	1	25.50	1.5	27.00
277	Giàng A	Nù	TTB004657	1	23.50	3.5	27.00
278	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	TTB003869	1	25.50	1.5	27.00
279	Nguyễn Thị Hồng	Lê	THV007092	1	25.50	1.5	27.00
280	Giàng A	Lào	TTB003340	1	23.50	3.5	27.00
281	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	1	25.50	1.5	27.00
282	Hoàng Thị	Hằng	TND007295	1	23.50	3.5	27.00
283	Chầu Thị	Ninh	TQU004156	1	23.50	3.5	27.00
284	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	1	23.50	3.5	27.00
285	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	1	26.50	0.5	27.00
286	Đậu Thị	Sương	TDV026500	3	25.75	1.0	26.75
287	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	2	23.25	3.5	26.75
288	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	2	23.25	3.5	26.75
289	Tống Thị	Mai	HDT016152	2	25.25	1.5	26.75
290	Lèng Thị	Như	TQU004142	2	23.25	3.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Trương Hải	Yến	TND030159	2	23.25	3.5	26.75
292	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	2	25.25	1.5	26.75
293	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	2	25.25	1.5	26.75
294	Lê Thị	Phượng	HDT020198	2	25.75	1.0	26.75
295	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	2	25.25	1.5	26.75
296	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	2	23.25	3.5	26.75
297	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	2	25.25	1.5	26.75
298	Bùi Thị Băng	Trinh	LNH009970	2	23.25	3.5	26.75
299	Đào Anh	Dũng	THV002162	2	25.25	1.5	26.75
300	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	2	23.25	3.5	26.75
301	Phan Thị Thanh	Hải	TDV008370	2	25.25	1.5	26.75
302	Lê Thị Hoài	Thơ	DHU022300	2	25.25	1.5	26.75
303	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	2	25.25	1.5	26.75
304	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	2	25.25	1.5	26.75
305	Bùi Thị	Hà	LNH002420	2	23.25	3.5	26.75
306	Phạm Thị	Thảo	YTB019918	2	26.25	0.5	26.75
307	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	2	25.75	1.0	26.75
308	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	2	23.25	3.5	26.75
309	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	2	23.25	3.5	26.75
310	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	2	23.25	3.5	26.75
311	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	2	25.25	1.5	26.75
312	Chu Thị	Thảo	TTB005838	2	23.25	3.5	26.75
313	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	2	26.25	0.5	26.75
314	Lê Thị	Nhung	HDT018777	2	26.25	0.5	26.75
315	Phạm Việt	Trinh	THP015567	2	26.25	0.5	26.75
316	Nguyễn Thị	Vân	TDV035875	1	25.25	1.5	26.75
317	Phùng Thị	Quyên	TND020831	1	23.25	3.5	26.75
318	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	1	25.25	1.5	26.75
319	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	1	24.25	2.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Lăng Thị	Hoài	TND009110	1	23.25	3.5	26.75
321	Nguyễn Thị Lệ	Thu	SPH016347	1	26.25	0.5	26.75
322	Nguyễn Thu	Trang	KQH014676	1	26.25	0.5	26.75
323	Nguyễn Như	Quỳnh	TND021137	1	25.25	1.5	26.75
324	Đặng Thị Thu	Hằng	DCN003379	1	25.25	1.5	26.75
325	Bùi Thị	Liên	LNH005108	1	23.25	3.5	26.75
326	Nguyễn Thị	Nga	HDT017467	1	25.75	1.0	26.75
327	Hồ Thị	ánh	TDV001687	1	25.25	1.5	26.75
328	Nông Thị	Hạnh	SPH005412	1	24.75	2.0	26.75
329	Lê Linh	Chi	SPH002364	1	26.25	0.5	26.75
330	Cao Thị Hồng	Nhung	THV009837	1	25.25	1.5	26.75
331	Nguyễn Thị	Ngọc	KHA007270	1	25.75	1.0	26.75
332	Lương Thị Hồng	Nhung	TLA010512	1	25.75	1.0	26.75
333	Bàn Thị	Tuyền	TQU006280	1	23.25	3.5	26.75
334	Nguyễn Thành	Trung	TND027181	1	23.25	3.5	26.75
335	Nông Thị Xuân	Hòa	TQU001968	1	23.25	3.5	26.75
336	Nguyễn Văn	Mạnh	SPH011175	1	26.25	0.5	26.75
337	Đào Thị	Hương	HDT011993	1	25.75	1.0	26.75
338	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	1	25.75	1.0	26.75
339	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	1	25.75	1.0	26.75
340	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	1	26.25	0.5	26.75
341	Đàm Thị Huyền	Trần	TND026852	1	23.25	3.5	26.75
342	Bùi Chính	Nghĩa	LNH006547	1	23.25	3.5	26.75
343	Phan Thị Phương	Thảo	TDV028344	1	25.75	1.0	26.75
344	Hà ánh	Ngọc	THV009444	1	23.25	3.5	26.75
345	Nguyễn Khánh	Linh	YTB012675	1	25.25	1.5	26.75
346	Nguyễn Việt	Hà	THP003899	1	26.25	0.5	26.75
347	Nguyễn Quỳnh	Lâm	SPH009178	1	25.75	1.0	26.75
348	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	1	25.25	1.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

Trang 13

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	1	23.25	3.5	26.75
350	Hoàng Thu	Trang	TQU005797	2	23.00	3.5	26.50
351	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	2	23.00	3.5	26.50
352	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	2	26.00	0.5	26.50
353	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	2	23.00	3.5	26.50
354	Lê Thị	Hằng	HDT007837	2	25.50	1.0	26.50
355	Đặng Thị	Bảy	THV000922	2	23.00	3.5	26.50
356	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	2	23.00	3.5	26.50
357	Lương Thị	Thảo	THV012200	2	23.00	3.5	26.50
358	Nghiêm Thị	Tam	THV011653	2	23.00	3.5	26.50
359	Vàng Thị	Cúc	THV001679	2	23.00	3.5	26.50
360	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	2	25.50	1.0	26.50
361	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	2	25.00	1.5	26.50
362	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	2	25.00	1.5	26.50
363	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	2	25.00	1.5	26.50
364	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TDV022187	2	26.00	0.5	26.50
365	Lê Đình	Đạt	HDT005241	2	23.00	3.5	26.50
366	Đỗ Thùy	Trang	HHA014438	2	26.00	0.5	26.50
367	Lò Thị	Mừng	TTB004079	2	23.00	3.5	26.50
368	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	TQU004582	2	25.00	1.5	26.50
369	Quảng Văn	Dũng	TTB001248	2	23.00	3.5	26.50
370	Trần Uyên	Chi	TDV003028	2	25.00	1.5	26.50
371	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	2	25.00	1.5	26.50
372	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	2	25.00	1.5	26.50
373	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	2	26.00	0.5	26.50
374	Đỗ Mai	Hương	THP006938	2	26.00	0.5	26.50
375	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	2	23.00	3.5	26.50
376	Lường Văn	Khiêm	LNH004811	2	23.00	3.5	26.50
377	Phà Thó	Xa	THV015435	2	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Lại Thị	Minh	DCN007378	2	25.50	1.0	26.50
379	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	2	23.00	3.5	26.50
380	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	2	24.50	2.0	26.50
381	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	2	25.50	1.0	26.50
382	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	2	25.00	1.5	26.50
383	Lý Thị Thu	Huyền	TND011142	2	23.00	3.5	26.50
384	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	2	23.00	3.5	26.50
385	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	2	25.00	1.5	26.50
386	Sâm Thị	Tuyền	TND028496	2	23.00	3.5	26.50
387	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	2	25.50	1.0	26.50
388	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	2	26.00	0.5	26.50
389	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	2	25.50	1.0	26.50
390	Đinh Kiều	Oanh	TTB004677	2	23.00	3.5	26.50
391	Đường Thu	Quyên	TND020757	2	23.00	3.5	26.50
392	Lò Thị	Tiêm	TTB006534	2	23.00	3.5	26.50
393	Lê Thị	Dung	HDT003866	2	25.50	1.0	26.50
394	Nguyễn Thị	Thanh	KQH012316	2	26.00	0.5	26.50
395	Phạm Thị	Giang	HDT006412	2	25.50	1.0	26.50
396	Lò Trung	Thành	TTB005740	1	23.00	3.5	26.50
397	Thào A	Pó	TTB004987	1	23.00	3.5	26.50
398	Lê Phương	Hiền	HVN003374	1	24.00	2.5	26.50
399	Lý A	Chớ	TTB000675	1	23.00	3.5	26.50
400	Hà Thị	Bình	LNH000821	1	23.00	3.5	26.50
401	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	1	23.00	3.5	26.50
402	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	1	25.00	1.5	26.50
403	Nguyễn Minh	Huyền	LNH004226	1	25.00	1.5	26.50
404	Hoàng Minh	Thành	DHU020770	1	25.00	1.5	26.50
405	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009704	1	25.50	1.0	26.50
406	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	1	25.00	1.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Nguyễn Thị Hà	Trang	LNH009779	1	23.00	3.5	26.50
408	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	HVN000521	1	25.50	1.0	26.50
409	Sáng Thị	Chính	TQU000537	1	23.00	3.5	26.50
410	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	1	23.00	3.5	26.50
411	Đàm Thị	Kiều	TND013050	1	23.00	3.5	26.50
412	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	1	25.00	1.5	26.50
413	Hoàng Thị Xuân	Quỳnh	SPH014470	1	26.00	0.5	26.50
414	Phạm Thị	Hương	THP007127	1	26.00	0.5	26.50
415	Trần Thị Phương	Hoa	LNH003464	1	25.00	1.5	26.50
416	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	1	25.00	1.5	26.50
417	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	1	23.00	3.5	26.50
418	Nguyễn Thùy	Linh	LNH005427	1	23.00	3.5	26.50
419	Triệu Thị	Thịnh	TQU005280	1	23.00	3.5	26.50
420	Vũ Thanh	Bình	KQH001152	1	26.00	0.5	26.50
421	Lý Thị	Ghế	TND005756	1	23.00	3.5	26.50
422	Đào Thị	Yến	TND029935	1	25.00	1.5	26.50
423	Dương Hồng	Sơn	TND021498	1	25.00	1.5	26.50
424	Lường Thị	Thanh	TTB005681	1	23.00	3.5	26.50
425	Ngọ Thị Kim	Oanh	HDT019240	1	25.50	1.0	26.50
426	Lã Văn	Băng	DCN000946	1	25.50	1.0	26.50
427	Nông Thị	Hằng	TND007466	1	23.00	3.5	26.50
428	Âu Thị	Sen	TQU004680	1	23.00	3.5	26.50
429	Giàng Thị	Giông	TTB001689	1	23.00	3.5	26.50
430	Nguyễn Thị Thu	Thúy	TND025029	1	26.00	0.5	26.50
431	Nguyễn Thị Hà	Trang	HHA014603	1	23.00	3.5	26.50
432	Trần Thị Hà	Tiên	TTB006546	1	23.00	3.5	26.50
433	Triệu Thị Kim	Dung	SPH003113	1	25.00	1.5	26.50
434	Đặng Thị	Múi	TND016742	1	23.00	3.5	26.50
435	Mạc Quỳnh	Anh	THP000387	1	26.00	0.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Trần Ngọc	Mai	TND016088	1	23.00	3.5	26.50
437	Doãn Thị Thu	Hường	KQH006833	1	26.00	0.5	26.50
438	Vũ Lê	Hà	LNH002602	1	25.00	1.5	26.50
439	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	1	23.00	3.5	26.50
440	Lương Thảo	Phượng	TND019873	1	23.00	3.5	26.50
441	Triệu Thị	Hằng	TND007506	1	23.00	3.5	26.50
442	Nông Thị Vân	Hoa	TND008828	1	23.00	3.5	26.50
443	Hoàng ánh	Nguyệt	TND018349	1	23.00	3.5	26.50
444	Phạm Tân	Trang	TTB006818	1	25.00	1.5	26.50
445	Trần Thị	Hằng	HHA004440	1	23.00	3.5	26.50
446	Hoàng Thị	Lành	TND013442	1	23.00	3.5	26.50
447	Tạ Minh	Loan	THV007904	1	25.00	1.5	26.50
448	Pờ Mé	Nu	TTB004653	1	23.00	3.5	26.50
449	Lò Thị Tố	Uyên	TTB007359	1	23.00	3.5	26.50
450	Lò Thị	Hà	THV003489	1	23.00	3.5	26.50
451	Nguyễn Nhật	Linh	SPH009836	1	26.00	0.5	26.50
452	Phạm Thị	Loan	YTB013323	3	25.25	1.0	26.25
453	Hoàng Thị Mai	Liều	TND013933	2	22.75	3.5	26.25
454	Đình Thị Trang	Nhung	TDV022297	2	25.75	0.5	26.25
455	Vũ Thị	Hiền	THV004397	2	22.75	3.5	26.25
456	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	2	25.25	1.0	26.25
457	Hà Đình	Công	THV001592	2	22.75	3.5	26.25
458	Đình Thị	Hường	LNH004614	2	22.75	3.5	26.25
459	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	2	24.75	1.5	26.25
460	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	2	23.25	3.0	26.25
461	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	2	25.25	1.0	26.25
462	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	2	25.25	1.0	26.25
463	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	2	24.75	1.5	26.25
464	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	2	25.75	0.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

Trang 17

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Hoàng Thị	Lực	KQH008501	2	22.75	3.5	26.25
466	Lê Thị	Hiền	TDV009806	2	24.75	1.5	26.25
467	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	2	24.75	1.5	26.25
468	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	2	24.75	1.5	26.25
469	Lã Thị	Thanh	TQU004948	2	24.75	1.5	26.25
470	Lý Thị Tuyết	Nhung	THV009898	2	22.75	3.5	26.25
471	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	2	24.75	1.5	26.25
472	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	2	22.75	3.5	26.25
473	Lù Thị	Trang	THV013768	2	22.75	3.5	26.25
474	Đồng Mai	Phượng	TND019770	2	22.75	3.5	26.25
475	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016406	2	25.25	1.0	26.25
476	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	2	22.75	3.5	26.25
477	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	2	24.75	1.5	26.25
478	Vi Thị	Thuyết	THV013199	2	22.75	3.5	26.25
479	Lê Thúy	Nga	DHU013914	2	25.75	0.5	26.25
480	Lê Thị Hồng	Ngát	YTB015320	2	25.25	1.0	26.25
481	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	2	25.75	0.5	26.25
482	Lương Thị	Bình	HDT002193	2	22.75	3.5	26.25
483	Đỗ Thị Thảo	Anh	YTB000268	2	25.75	0.5	26.25
484	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	2	25.75	0.5	26.25
485	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	2	25.75	0.5	26.25
486	Đình Hoàng	Mai	HDT015943	2	24.75	1.5	26.25
487	Lương ý	Dung	KQH002046	2	22.75	3.5	26.25
488	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	2	24.75	1.5	26.25
489	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	2	25.75	0.5	26.25
490	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	2	25.75	0.5	26.25
491	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	2	22.75	3.5	26.25
492	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	2	25.25	1.0	26.25
493	Phan Thị	Thương	TDV031159	2	24.75	1.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

Trang 18

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	2	25.75	0.5	26.25
495	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	2	24.75	1.5	26.25
496	Nguyễn Thị	Tinh	HHA014236	2	25.25	1.0	26.25
497	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	2	24.75	1.5	26.25
498	Lê Thị	Thúy	HHA013877	2	25.75	0.5	26.25
499	Phạm Văn	Thảo	TND023293	2	24.75	1.5	26.25
500	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	2	22.75	3.5	26.25
501	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	2	24.75	1.5	26.25
502	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	2	24.75	1.5	26.25
503	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	2	24.75	1.5	26.25
504	Lò Thị	Dung	THV002060	2	22.75	3.5	26.25
505	Lê Thị	Hà	HDT006658	2	25.25	1.0	26.25
506	Phạm Thị Thu	Thủy	DCN011084	1	25.75	0.5	26.25
507	Lương Thị Huyền	Trang	DCN011740	1	22.75	3.5	26.25
508	Hoàng Thị	Sen	TND021390	1	22.75	3.5	26.25
509	Bùi Thị	Thơm	TDV029641	1	24.75	1.5	26.25
510	Triệu Thùy	Linh	TND014764	1	22.75	3.5	26.25
511	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	1	22.75	3.5	26.25
512	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	1	25.25	1.0	26.25
513	Dương Thị Hồng	Nhung	SPH013023	1	25.75	0.5	26.25
514	Nguyễn Ngọc	Bích	SPH002019	1	25.75	0.5	26.25
515	Dương Thị Bích	Phượng	THV010603	1	24.75	1.5	26.25
516	Lê Thị Hồng	Vân	HDT029506	1	25.75	0.5	26.25
517	Bùi Thị Tuyết	Chinh	SPH002526	1	25.75	0.5	26.25
518	Phạm Thị	ánh	TDV001877	1	24.75	1.5	26.25
519	Vương Quốc	Nam	THP009905	1	25.25	1.0	26.25
520	Nguyễn Thị Thanh	Hải	TND006710	1	24.75	1.5	26.25
521	Bùi Thị	Phượng	TND019724	1	22.75	3.5	26.25
522	Nguyễn Thị	Trang	HDT026941	1	25.25	1.0	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

Trang 19

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Nông Thị Thiên	Trang	TND026627	1	22.75	3.5	26.25
524	Phạm Thị Minh	Loan	TDV017587	1	25.25	1.0	26.25
525	Phạm Thị	Hạnh	HDT007593	1	24.75	1.5	26.25
526	Tô Thúy	Hằng	TLA004679	1	26.25		26.25
527	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	1	25.75	0.5	26.25
528	Bùi Ngọc	Trang	HDT026165	1	25.25	1.0	26.25
529	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	TND002165	1	25.75	0.5	26.25
530	Trịnh Thị Thùy	Dung	HDT004087	1	25.25	1.0	26.25
531	Hoàng Thị	Phấn	TND019451	1	22.75	3.5	26.25
532	Trần Thị Thanh	Bình	KQH001148	1	25.25	1.0	26.25
533	Nguyễn Trang	Ly	TQU003480	1	24.75	1.5	26.25
534	Nguyễn Thị	Anh	KQH000429	1	24.75	1.5	26.25
535	Thào A	Chứ	TTB000795	1	22.75	3.5	26.25
536	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	1	25.75	0.5	26.25
537	Hà Thị	Quỳnh	TND021038	1	22.75	3.5	26.25
538	Trương Thị ánh	Tuyết	HDT029143	1	22.75	3.5	26.25
539	Nông Thị	Nguyệt	TQU004013	1	22.75	3.5	26.25
540	Cao Thị	Giang	SPH004446	1	25.75	0.5	26.25
541	Nguyễn Ngân	Hồng	TQU002144	1	22.75	3.5	26.25
542	Lương Thị	Yến	TND030011	1	22.75	3.5	26.25
543	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	1	24.75	1.5	26.25
544	Hà Thị Kim	Liên	HDT013607	1	22.75	3.5	26.25
545	Vừ Seo	Hòa	THV004876	1	22.75	3.5	26.25
546	Hoàng Thị	Len	TND013612	1	22.75	3.5	26.25
547	Lê Thị Hồng	Hạnh	TTB001925	1	24.75	1.5	26.25
548	Nguyễn Thị	Giang	TDV007288	1	24.75	1.5	26.25
549	Nông Thị	Thơm	TQU005337	1	22.75	3.5	26.25
550	Nguyễn Thị Lan	Hương	SPH008370	1	25.75	0.5	26.25
551	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	1	26.25		26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Nông Thị	Mến	TQU003587	1	22.75	3.5	26.25
553	Dương Thị	Dung	SPH002980	2	25.50	0.5	26.00
554	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	2	25.00	1.0	26.00
555	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	2	24.50	1.5	26.00
556	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	2	25.00	1.0	26.00
557	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	2	24.50	1.5	26.00
558	Bùi Thị	Mến	HDT016401	2	22.50	3.5	26.00
559	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	2	25.50	0.5	26.00
560	Lê Thị	Loan	HDT015087	2	24.50	1.5	26.00
561	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	2	22.50	3.5	26.00
562	Phạm Thị	Huyền	HDT011613	2	25.00	1.0	26.00
563	Đào Thùy	Trang	TQU005766	2	24.50	1.5	26.00
564	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	2	22.50	3.5	26.00
565	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	2	24.50	1.5	26.00
566	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	2	24.50	1.5	26.00
567	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	2	22.50	3.5	26.00
568	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	2	25.00	1.0	26.00
569	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	2	22.50	3.5	26.00
570	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	2	25.00	1.0	26.00
571	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	2	22.50	3.5	26.00
572	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	2	23.50	2.5	26.00
573	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	2	24.50	1.5	26.00
574	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	2	25.00	1.0	26.00
575	Triệu Tồn	Man	DCN007229	2	22.50	3.5	26.00
576	Chu Thị	Hương	TDV014213	2	24.50	1.5	26.00
577	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	2	25.00	1.0	26.00
578	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	2	22.50	3.5	26.00
579	Võ Thị Tuyết	Mây	TDV019139	2	24.50	1.5	26.00
580	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	2	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	2	25.00	1.0	26.00
582	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	2	24.50	1.5	26.00
583	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	2	24.50	1.5	26.00
584	Trần Thị	Trang	TDV033109	2	24.50	1.5	26.00
585	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	2	24.50	1.5	26.00
586	Lê Thị	Ninh	HDT019102	2	25.00	1.0	26.00
587	Dương Thùy	Linh	SPH009423	2	24.50	1.5	26.00
588	Hoàng Thị	Tấm	TND022175	2	22.50	3.5	26.00
589	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	2	22.50	3.5	26.00
590	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	2	25.00	1.0	26.00
591	Hà Kim	Oanh	TTB004678	2	24.50	1.5	26.00
592	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	2	24.50	1.5	26.00
593	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	2	24.50	1.5	26.00
594	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	2	22.50	3.5	26.00
595	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	2	25.50	0.5	26.00
596	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	2	25.00	1.0	26.00
597	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	2	25.50	0.5	26.00
598	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	2	24.50	1.5	26.00
599	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	2	24.50	1.5	26.00
600	Phạm Thị	Linh	KQH008053	2	25.50	0.5	26.00
601	Nguyễn Thị Thu	Hương	YTB010788	1	25.00	1.0	26.00
602	Lộc Thị	Sao	TND021362	1	22.50	3.5	26.00
603	Trần Thị	Nga	HDT017531	1	25.00	1.0	26.00
604	Dương Thị	Huyền	TQU002411	1	22.50	3.5	26.00
605	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	1	22.50	3.5	26.00
606	Nguyễn Thị Thắng	Hà	THV003533	1	24.50	1.5	26.00
607	Mạc Thị	Hiển	TND008102	1	22.50	3.5	26.00
608	Đào Thị	Yến	KQH016529	1	25.00	1.0	26.00
609	Phạm Thị	Hạnh	HDT007597	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010126	1	25.50	0.5	26.00
611	Y Hoàng	Miô	TTN006948	1	22.50	3.5	26.00
612	Hoàng Thị	Loan	TND014960	1	25.00	1.0	26.00
613	Vũ Thị	Phượng	YTB017528	1	25.00	1.0	26.00
614	Trương Thị Thu	Trang	SPH017853	1	25.00	1.0	26.00
615	Đỗ Thu	Nga	HHA009697	1	24.50	1.5	26.00
616	Tòng Thị	Thu	THV012859	1	22.50	3.5	26.00
617	Trần Lan	Hương	YTB010877	1	25.50	0.5	26.00
618	Trần Hương	Giang	TND006025	1	24.50	1.5	26.00
619	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	SPH013096	1	25.50	0.5	26.00
620	Xin Thị	Liên	TQU003047	1	22.50	3.5	26.00
621	Sùng A	Pênh	TTB004732	1	22.50	3.5	26.00
622	Trần Văn	Khuê	KQH007160	1	25.00	1.0	26.00
623	Nguyễn Thu	Quỳnh	TND021203	1	24.50	1.5	26.00
624	Trần Minh	Quang	THV010774	1	24.50	1.5	26.00
625	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	1	24.50	1.5	26.00
626	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	1	25.50	0.5	26.00
627	Lê Thị	Thư	THV013212	1	22.50	3.5	26.00
628	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	1	25.00	1.0	26.00
629	Trần Thị	Quyên	TQU004555	1	24.50	1.5	26.00
630	Phạm Thị	Loan	TDV017581	1	24.50	1.5	26.00
631	Phạm Hồng	Nhung	TND019005	1	24.50	1.5	26.00
632	Phùng Thị	Quý	THV010911	1	22.50	3.5	26.00
633	Vàng Thị	ánh	TTB000324	1	22.50	3.5	26.00
634	Vũ Thị Yến	Nhi	THP010824	1	25.50	0.5	26.00
635	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010122	1	25.50	0.5	26.00
636	Nguyễn Thị Thu	Trang	SPH017627	1	25.00	1.0	26.00
637	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	1	24.50	1.5	26.00
638	Trần Thị	Anh	THP000856	1	25.00	1.0	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Mai Huệ	An	HDT000054	1	25.00	1.0	26.00
640	Đỗ Ngọc	Anh	TND000176	1	24.50	1.5	26.00
641	Nguyễn Thị	Huệ	TND010236	1	22.50	3.5	26.00
642	Hoàng Thị Linh	Chi	TND002230	1	22.50	3.5	26.00
643	Ngô Thu	Hiền	TQU001718	1	24.50	1.5	26.00
644	Diệp Thị	Thiện	SPH016090	1	22.50	3.5	26.00
645	Lê Thị Mai	Hương	DQN009066	1	24.50	1.5	26.00
646	Vi Thu	Hiền	TND008043	1	22.50	3.5	26.00
647	Hoàng Thị Thu	Hiền	TND007830	1	22.50	3.5	26.00
648	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	1	25.50	0.5	26.00
649	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	1	24.50	1.5	26.00
650	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	1	24.50	1.5	26.00
651	Triệu Thị Thu	Hường	TND012247	1	22.50	3.5	26.00
652	Bùi Thị Hoài	My	LNH006223	1	22.50	3.5	26.00
653	Bàn Thị	Hường	TND012100	1	22.50	3.5	26.00
654	Nông Văn	Nam	TTB004168	1	22.50	3.5	26.00
655	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	1	24.50	1.5	26.00
656	Trần Thị Thu	Thuỷ	THV012932	1	24.50	1.5	26.00
657	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	1	25.00	1.0	26.00
658	Nguyễn Thị	Hằng	HDT008001	1	24.50	1.5	26.00
659	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	LNH002792	1	24.50	1.5	26.00
660	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	2	24.25	1.5	25.75
661	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	2	24.25	1.5	25.75
662	Hà Hoàng	Mai	TND015906	2	22.25	3.5	25.75
663	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	2	25.25	0.5	25.75
664	Lâm Thị	Trang	TND026235	2	22.25	3.5	25.75
665	Triệu Anh	Quân	TQU004502	2	22.25	3.5	25.75
666	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	2	25.25	0.5	25.75
667	Chu Minh	Trang	DCN011617	2	25.25	0.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Nguyễn Thị Diệu	Linh	DHU011248	2	24.25	1.5	25.75
669	Lê Thị	Nhung	HDT018789	2	24.75	1.0	25.75
670	Đình Xuân Lâm	Anh	TDV022809	2	24.75	1.0	25.75
671	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	2	22.25	3.5	25.75
672	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	2	25.75		25.75
673	Lê Thị	Dung	HDT003842	2	24.75	1.0	25.75
674	Nguyễn Thị	Phượng	HHA011196	2	25.25	0.5	25.75
675	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	2	22.25	3.5	25.75
676	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	2	25.25	0.5	25.75
677	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	2	22.25	3.5	25.75
678	Phạm Mai	Linh	THP008476	2	25.25	0.5	25.75
679	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	2	22.25	3.5	25.75
680	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	2	24.25	1.5	25.75
681	Lê Thị Thanh	Thảo	THP013315	2	24.75	1.0	25.75
682	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	2	24.75	1.0	25.75
683	Trần Thị Kim	Chi	SPH002449	2	24.75	1.0	25.75
684	Trần Thị Trà	My	LNH006246	2	24.25	1.5	25.75
685	Lương Đình	Hùng	TND010463	2	22.25	3.5	25.75
686	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	2	22.25	3.5	25.75
687	Đình Thị Ngọc	Hà	TND006154	2	22.25	3.5	25.75
688	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	2	24.25	1.5	25.75
689	Trần Anh	Tuấn	TND028015	2	24.25	1.5	25.75
690	Lê Thị Phương	Mai	TQU003510	2	24.25	1.5	25.75
691	Hoàng Thuý	Kiều	TND013066	2	22.25	3.5	25.75
692	Hoàng Thị	Phượng	SPH013614	2	25.25	0.5	25.75
693	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	2	25.25	0.5	25.75
694	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	2	22.25	3.5	25.75
695	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	2	24.25	1.5	25.75
696	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	2	24.25	1.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	2	22.25	3.5	25.75
698	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	1	22.25	3.5	25.75
699	Đoàn Thị	Hương	DHU009151	1	24.25	1.5	25.75
700	Hoàng Thảo	Linh	SPH009554	1	24.25	1.5	25.75
701	Nguyễn Thị	Hương	TDV014416	1	24.75	1.0	25.75
702	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	1	25.25	0.5	25.75
703	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	1	25.25	0.5	25.75
704	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	1	25.25	0.5	25.75
705	Lý Kiều	Oanh	TQU004198	1	22.25	3.5	25.75
706	Chẳng Kiều	Hoài	TQU001983	1	22.25	3.5	25.75
707	Triệu Thị	Viên	TND029263	1	22.25	3.5	25.75
708	Hà Thị	Dung	TND003674	1	22.25	3.5	25.75
709	Hà Quốc	Chuyên	TND002750	1	22.25	3.5	25.75
710	Nguyễn Khánh	Linh	SPH009786	1	25.25	0.5	25.75
711	Lê Thị	Hạnh	HDT007508	1	24.75	1.0	25.75
712	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	1	22.25	3.5	25.75
713	Bạch Thị Thu	Hiền	SPH005842	1	24.75	1.0	25.75
714	Triệu Thị	Nam	DCN007756	1	22.25	3.5	25.75
715	Nông Trường	Giang	THV003334	1	22.25	3.5	25.75
716	Hà Thị Kim	Chanh	TND002080	1	24.25	1.5	25.75
717	Vàng Quảng	Dín	THV001959	1	22.25	3.5	25.75
718	Lê Ngọc	Linh	TND014252	1	24.25	1.5	25.75
719	Đặng Thị	Thủy	TQU005452	1	22.25	3.5	25.75
720	Vi Thị	Thuận	HDT024661	1	22.25	3.5	25.75
721	Nông Thị Thu	Hoài	TND009186	1	22.25	3.5	25.75
722	Nguyễn Thị	Nhung	TDV022491	1	24.25	1.5	25.75
723	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	1	22.25	3.5	25.75
724	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	1	24.75	1.0	25.75
725	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	1	24.75	1.0	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Tạ Đức	Hiếu	HDT009046	1	25.25	0.5	25.75
727	Đào Thị Hồng	Nhung	HDT018664	1	25.25	0.5	25.75
728	Hoàng Thị Bình	Minh	TND016493	1	22.25	3.5	25.75
729	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	1	25.25	0.5	25.75
730	Đào Khánh	Dương	TTB001330	2	24.00	1.5	25.50
731	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	2	24.00	1.5	25.50
732	Hoàng Thị	Phùng	TQU004283	2	22.00	3.5	25.50
733	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	2	24.00	1.5	25.50
734	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	2	24.50	1.0	25.50
735	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	2	22.00	3.5	25.50
736	Hứa Thị	Kiều	TND013056	2	22.00	3.5	25.50
737	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	2	23.00	2.5	25.50
738	Chế Thị	Nhung	TDV022280	2	25.00	0.5	25.50
739	Bùi Thúy	Phượng	TND019710	2	22.00	3.5	25.50
740	Vi Thị	Hồng	TND009891	2	22.00	3.5	25.50
741	Nguyễn Thị Ly	Ly	TDV018365	2	22.00	3.5	25.50
742	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	2	24.50	1.0	25.50
743	Từ Thị	Lý	TDV018537	2	24.00	1.5	25.50
744	Phượng Thị	Hảo	TND007201	2	22.00	3.5	25.50
745	Bùi Ngọc	Lan	LNH004941	2	22.00	3.5	25.50
746	Nông Thị	Phượng	TND020262	2	22.00	3.5	25.50
747	Lê Thị	Như	TDV022628	2	24.00	1.5	25.50
748	Trần Thị	Liên	TQU003045	2	24.00	1.5	25.50
749	Trần Thị	Huyền	TND011376	2	22.00	3.5	25.50
750	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	2	25.00	0.5	25.50
751	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	2	24.00	1.5	25.50
752	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	2	23.00	2.5	25.50
753	Tần Thị	Thảo	THV012338	2	22.00	3.5	25.50
754	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	2	24.50	1.0	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	2	22.00	3.5	25.50
756	Lê Thị	Loan	HDT015081	2	24.00	1.5	25.50
757	Lò Văn	Thêm	TTB006079	2	22.00	3.5	25.50
758	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	2	25.00	0.5	25.50
759	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	2	24.00	1.5	25.50
760	Quan Ngọc	Linh	TND014718	1	22.00	3.5	25.50
761	Nguyễn Ngọc	Tú	TND027531	1	22.00	3.5	25.50
762	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	1	25.00	0.5	25.50
763	Nguyễn Thị	Hoa	YTB008243	1	24.50	1.0	25.50
764	Lê Thu	Hà	TTB001744	1	24.00	1.5	25.50
765	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	KQH012829	1	25.00	0.5	25.50
766	Lý Ngọc	Linh	TND014313	1	22.00	3.5	25.50
767	Hoàng Văn	Tuấn	TQU006108	1	22.00	3.5	25.50
768	Lưu Thị	Phượng	TDV023882	1	24.00	1.5	25.50
769	Ngô Thị Lan	Nhi	HVN007734	1	24.50	1.0	25.50
770	Lý Thị	Nương	TND019243	1	22.00	3.5	25.50
771	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	1	22.00	3.5	25.50
772	Lò Thị	Hiền	TTB002134	1	22.00	3.5	25.50
773	Nguyễn Thị Minh	Phượng	TND019948	1	25.00	0.5	25.50
774	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	1	24.00	1.5	25.50
775	Đinh Thị Hà	Duyên	LNH001702	1	25.00	0.5	25.50
776	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	YTB006647	1	24.00	1.5	25.50
777	Quảng Thị	Kim	TTB003246	1	22.00	3.5	25.50
778	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	1	25.00	0.5	25.50
779	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	1	22.00	3.5	25.50
780	Mào Thị	Duyên	TTB001294	1	22.00	3.5	25.50
781	Nguyễn Thị Thùy	Quyên	YTB018085	1	24.50	1.0	25.50
782	Hà Văn	Long	HDT015212	2	21.75	3.5	25.25
783	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	2	24.25	1.0	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	2	21.75	3.5	25.25
785	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	2	24.75	0.5	25.25
786	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	2	24.25	1.0	25.25
787	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	2	24.25	1.0	25.25
788	Thiều Thị	Trinh	HDT027451	2	24.75	0.5	25.25
789	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	2	21.75	3.5	25.25
790	Mai Thị	Trang	HDT026674	2	24.25	1.0	25.25
791	Dương Thị	Lương	TND015496	2	24.25	1.0	25.25
792	Ma Hoài	Thương	TND025339	2	21.75	3.5	25.25
793	Hà Thị	Hoa	LNH003408	2	21.75	3.5	25.25
794	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	2	23.25	2.0	25.25
795	Trần Thùy	Giang	HDT006459	2	24.25	1.0	25.25
796	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	2	24.25	1.0	25.25
797	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	2	21.75	3.5	25.25
798	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	2	21.75	3.5	25.25
799	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	2	24.25	1.0	25.25
800	Đình Thị	Hảo	TND007146	2	21.75	3.5	25.25
801	Mai Đình	Thành	HDT022834	2	24.25	1.0	25.25
802	Ma Thị	Huế	TND010086	2	21.75	3.5	25.25
803	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	2	23.75	1.5	25.25
804	Ngân Thu	Huyền	TTB002818	1	21.75	3.5	25.25
805	Nguyễn Phương	Thảo	HDT023264	1	24.75	0.5	25.25
806	Trần Thị	Thơ	TDV029629	1	24.25	1.0	25.25
807	Cứ A	Chở	TTB000672	1	21.75	3.5	25.25
808	Giàng A	Phong	TTB004767	1	21.75	3.5	25.25
809	Nguyễn Minh	Thương	TLA013559	1	24.25	1.0	25.25
810	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	1	21.75	3.5	25.25
811	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	KHA006173	1	24.75	0.5	25.25
812	Nguyễn Thị Trà	My	TDV019605	1	24.75	0.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Phan Thị	Nga	HDT017490	1	23.75	1.5	25.25
814	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	1	24.25	1.0	25.25
815	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	1	21.75	3.5	25.25
816	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	1	21.75	3.5	25.25
817	Hứa Thị	Tươi	TND028723	1	21.75	3.5	25.25
818	Nông Thị Mai	Chi	TND002289	1	21.75	3.5	25.25
819	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	1	23.75	1.5	25.25
820	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	1	21.75	3.5	25.25
821	Vũ Hà	Nhi	KHA007504	1	24.75	0.5	25.25
822	Đỗ Thị	Linh	TND014063	1	23.75	1.5	25.25
823	Vũ Văn	Linh	KQH008144	1	24.75	0.5	25.25
824	Điêu Thị	Quỳnh	THV011039	1	21.75	3.5	25.25
825	Bùi Thị	Thắm	LNH008646	1	21.75	3.5	25.25
826	Cấn Thị	Huyền	DCN004875	1	24.75	0.5	25.25
827	Bùi Thị Phương	Thảo	LNH008421	1	21.75	3.5	25.25
828	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	2	23.50	1.5	25.00
829	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	2	23.50	1.5	25.00
830	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	2	24.00	1.0	25.00
831	Hoàng Thị	Vân	TND029059	2	21.50	3.5	25.00
832	Mai Thị	Thảo	HDT023246	2	24.00	1.0	25.00
833	Trịnh Thị Lan	Tường	HDT029259	2	23.50	1.5	25.00
834	Giàng A	Sênh	THV011312	2	21.50	3.5	25.00
835	Phạm Thị	Linh	HDT014743	2	24.00	1.0	25.00
836	Trần Thị	Kiều	HDT013015	2	23.50	1.5	25.00
837	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	2	23.50	1.5	25.00
838	Lường Thị	Nguyệt	TTB004479	2	21.50	3.5	25.00
839	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	2	23.50	1.5	25.00
840	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	2	23.50	1.5	25.00
841	Nguyễn Thị Việt	Phương	THP011646	2	24.50	0.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Vũ Thị Kim	Khánh	YTB011385	2	24.50	0.5	25.00
843	Lê Thị	Huyền	HDT011361	2	21.50	3.5	25.00
844	Lê Thị	Dung	HDT003850	2	24.00	1.0	25.00
845	Lộc Thị	Lệ	TND013691	2	21.50	3.5	25.00
846	Vũ Thị	Dương	THP002855	2	24.50	0.5	25.00
847	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012538	1	24.50	0.5	25.00
848	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	1	24.50	0.5	25.00
849	Hoàng Minh	Ngọc	TND017928	1	21.50	3.5	25.00
850	Phùng Thị	Mai	TND016070	1	21.50	3.5	25.00
851	Ngô Thị	Huyền	SPH007796	1	24.50	0.5	25.00
852	Cà Thị	Quyên	TTB005106	1	21.50	3.5	25.00
853	Lò Thị	Hương	TTB002956	1	21.50	3.5	25.00
854	Đỗ Thị	Mận	SPH011222	1	24.00	1.0	25.00
855	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	1	21.50	3.5	25.00
856	Triệu Thị	Trang	TQU005901	1	21.50	3.5	25.00
857	Ngọc Khánh	Chung	TQU000561	1	21.50	3.5	25.00
858	Vũ Thị Hồng	Hạnh	TND007096	1	24.50	0.5	25.00
859	Ma ánh	Tuyết	TQU006316	1	21.50	3.5	25.00
860	Lê Tiến	Thành	TND022612	1	24.50	0.5	25.00
861	Bùi Kim	Lũy	TLA008669	1	24.50	0.5	25.00
862	Phạm Lan	Anh	HDT001361	1	24.00	1.0	25.00
863	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	1	24.50	0.5	25.00
864	Ly Thị	Mỹ	TTB004096	1	21.50	3.5	25.00
865	Lê Thị Thu	Thủy	HDT024911	1	24.00	1.0	25.00
866	Nông Thị	Hợp	TND009923	1	21.50	3.5	25.00
867	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	1	21.50	3.5	25.00
868	Phan Thị	Trình	TTB006890	1	23.50	1.5	25.00
869	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	1	21.50	3.5	25.00
870	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	1	23.50	1.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Bùi Thị	Dung	HDT003743	2	23.75	1.0	24.75
872	Nông Quốc	Cường	TND003259	2	21.25	3.5	24.75
873	Liếng Thị	Mai	THV008399	2	21.25	3.5	24.75
874	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	2	23.75	1.0	24.75
875	Quách Xương	Trang	HDT027109	2	21.25	3.5	24.75
876	Lò Thạc	Khuê	THV006689	2	21.25	3.5	24.75
877	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	2	23.75	1.0	24.75
878	Lý Thị	Hạnh	TND006945	2	21.25	3.5	24.75
879	Chu Khánh	Huyền	TND010989	2	21.25	3.5	24.75
880	Nguyễn Thị	Hoài	HDT009611	2	23.75	1.0	24.75
881	Nguyễn Nhã	Đồng	TDV006478	2	23.75	1.0	24.75
882	Phạm Hữu	Tuyền	THP016305	2	23.75	1.0	24.75
883	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	2	23.25	1.5	24.75
884	Đình Minh	Đức	KQH003135	2	24.25	0.5	24.75
885	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	2	21.25	3.5	24.75
886	Doãn Thị	Tình	TDV031596	2	23.25	1.5	24.75
887	Hoàng Ngọc	Luyến	TND015391	2	21.25	3.5	24.75
888	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	2	23.25	1.5	24.75
889	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	2	23.25	1.5	24.75
890	Kiều Thu	Hiền	TLA004792	1	24.25	0.5	24.75
891	Hoàng Mạnh	Thưởng	THV013330	1	23.25	1.5	24.75
892	Nông Thị	Tình	TND025686	1	21.25	3.5	24.75
893	Bùi Thị	Lợi	LNH005694	1	21.25	3.5	24.75
894	Đỗ Phương	Anh	TND000180	1	23.25	1.5	24.75
895	Nguyễn Thị	Đoan	TLA003464	1	24.25	0.5	24.75
896	Hoàng Thị	Hoan	TND009238	1	21.25	3.5	24.75
897	Đình Thị	Dự	TQU001020	1	21.25	3.5	24.75
898	Lý Mùi	Chuổng	TND002712	1	21.25	3.5	24.75
899	Tăng Thị	Chang	THP001430	1	23.75	1.0	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Trần Thị	Phượng	HHA011396	1	21.25	3.5	24.75
901	Hoàng Thị	Lan	TND013263	1	21.25	3.5	24.75
902	Phan Thị	Hoài	TDV011412	1	23.75	1.0	24.75
903	Hà Thị	Nga	TND017303	1	21.25	3.5	24.75
904	Hà Thị	Chinh	HDT002718	1	23.25	1.5	24.75
905	Nông Thị	Ngân	TND017616	1	21.25	3.5	24.75
906	Nguyễn Thị	Liên	HDT013651	1	23.75	1.0	24.75
907	Nông Thị Yến	Nhi	TND018706	1	21.25	3.5	24.75
908	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	1	23.75	1.0	24.75
909	Hà Văn	Thắm	HDT023531	1	21.25	3.5	24.75
910	Hà Thanh	Huyền	TLA006252	1	23.75	1.0	24.75
911	Hoàng Thị	Dung	TND003690	1	21.25	3.5	24.75
912	Từ Thị	Tuyến	TND028584	1	23.25	1.5	24.75
913	Nông Thị Lan	Anh	TND000937	1	21.25	3.5	24.75
914	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	1	23.75	1.0	24.75
915	Phùng Thị	Phượng	TND020269	1	21.25	3.5	24.75
916	Phan Thanh	Xuân	DCN013341	1	23.75	1.0	24.75
917	Phàn Mấy	Lẫy	DCN005972	1	21.25	3.5	24.75
918	Phan Lê Minh	Phượng	TDV024090	1	24.25	0.5	24.75
919	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	1	23.25	1.5	24.75
920	Trần Thị Vân	Anh	DCN000700	1	24.25	0.5	24.75
921	Lý Thị	Thanh	TND022460	1	21.25	3.5	24.75
922	Dương Thanh	Nhiệm	TND018724	1	21.25	3.5	24.75
923	Trần Thị Phương	Linh	THV007788	3	21.00	3.5	24.50
924	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	2	24.00	0.5	24.50
925	Phạm Thị Thuỳ	Linh	TDV017190	2	23.50	1.0	24.50
926	Trương Thị	Hoa	HDT009348	2	23.50	1.0	24.50
927	Lương Kim	Hoàn	TND009285	2	21.00	3.5	24.50
928	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	2	23.00	1.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Lương Thị	Thắm	TTB005973	2	21.00	3.5	24.50
930	Trần Thái	Bảo	SPH001971	2	24.50		24.50
931	Hà Thị	Phương	TTB004860	2	21.00	3.5	24.50
932	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	2	23.00	1.5	24.50
933	Lương Thị	Linh	HDT014285	2	23.00	1.5	24.50
934	Đoàn Thị Hồng	Ly	YTB013807	2	24.00	0.5	24.50
935	Lò Thị	Lan	TTB003310	2	21.00	3.5	24.50
936	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	2	23.00	1.5	24.50
937	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	2	21.00	3.5	24.50
938	Chu Thị	Chiều	TND002443	2	21.00	3.5	24.50
939	Trương Thành	Đức	BJA003356	2	24.00	0.5	24.50
940	Nguyễn Phương	Ly	TLA008796	2	24.50		24.50
941	Vũ Thị Yến	Chi	SPH002462	2	23.00	1.5	24.50
942	Nguyễn Thị	Tuân	TQU006088	2	21.00	3.5	24.50
943	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	2	23.00	1.5	24.50
944	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	2	22.50	2.0	24.50
945	Đào Thị	Thuý	TND024976	2	23.00	1.5	24.50
946	Trần Thị	Hiền	THP004893	2	23.50	1.0	24.50
947	Đặng Thị Huyền	Trang	TQU005775	1	23.00	1.5	24.50
948	Lê Thị Khánh	Linh	HDT014099	1	23.50	1.0	24.50
949	Triệu Ngọc	Chiển	TQU000481	1	21.00	3.5	24.50
950	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	1	23.00	1.5	24.50
951	Dương Phước	Sang	SPH014607	1	24.00	0.5	24.50
952	Đào Huyền	My	TND016779	1	24.00	0.5	24.50
953	Giàng Văn	Tư	TQU006328	1	21.00	3.5	24.50
954	Lò Thị	Thần	TTB006066	1	21.00	3.5	24.50
955	Đặng Hà	Dụng	TQU001033	1	21.00	3.5	24.50
956	Vi Thị	Hảo	TDV008884	1	21.00	3.5	24.50
957	Nguyễn Thị	Yến	TDV037020	1	23.50	1.0	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Hứa Hoàng	Vinh	TND029381	1	21.00	3.5	24.50
959	Lò Thị	Thanh	TTB005665	1	21.00	3.5	24.50
960	Trần Tú	Trinh	SPK014572	1	23.00	1.5	24.50
961	Hoàng Thị Thanh	Lam	TND013170	1	21.00	3.5	24.50
962	Trần Thị	Hoài	HDT009635	1	21.00	3.5	24.50
963	Chầu Thị	Ly	TQU003450	1	21.00	3.5	24.50
964	Bùi Văn	Nghiệp	YTB015529	1	23.50	1.0	24.50
965	Pờ Gia	Pố	TTB004995	1	21.00	3.5	24.50
966	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	1	21.00	3.5	24.50
967	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	1	21.00	3.5	24.50
968	Lường Thị	Huế	TTB002618	1	21.00	3.5	24.50
969	Lý Thị	Ghến	THV003174	1	21.00	3.5	24.50
970	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	1	21.00	3.5	24.50
971	Đào Thị	Thu	THP014025	1	23.50	1.0	24.50
972	Giàng Thị	Và	TND028973	1	21.00	3.5	24.50
973	Triệu Mùi	Ten	TND022246	1	21.00	3.5	24.50
974	Đào Thị	My	TND016909	1	21.00	3.5	24.50
975	Nguyễn Thị	Phong	SPH013406	1	24.00	0.5	24.50
976	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	1	23.50	1.0	24.50
977	Hoàng Kim	Phú	TND019597	1	21.00	3.5	24.50
978	Điêu Thị	Vân	TTB007425	1	21.00	3.5	24.50
979	Phạm Thị	Bình	HDT002247	2	20.75	3.5	24.25
980	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	2	20.75	3.5	24.25
981	Vũ Hồng	Phượng	THV010669	2	22.75	1.5	24.25
982	Lê Thị	Linh	SPH009611	2	23.75	0.5	24.25
983	Trần Thị	Nha	TND018488	2	20.75	3.5	24.25
984	Đinh Thị	Liên	LNH005113	2	20.75	3.5	24.25
985	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	2	23.25	1.0	24.25
986	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	2	23.25	1.0	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	2	22.25	2.0	24.25
988	Lê Thị	Giang	HDT006293	2	23.25	1.0	24.25
989	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	2	23.75	0.5	24.25
990	Bùi Thị	Trang	LNH009651	2	20.75	3.5	24.25
991	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	2	23.75	0.5	24.25
992	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	2	20.75	3.5	24.25
993	Long Thị	Vân	TND029083	1	20.75	3.5	24.25
994	Phạm Thị Huyền	Trang	YTB023005	1	23.75	0.5	24.25
995	Phạm Thị	Trình	THP015564	1	23.75	0.5	24.25
996	Châu Thị	Thuỷ	TQU005415	1	20.75	3.5	24.25
997	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	1	22.75	1.5	24.25
998	Ngọc Bích	Thảo	TND023059	1	20.75	3.5	24.25
999	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013133	1	22.75	1.5	24.25
1000	Nguyễn Thị	Loan	BJA007942	1	23.25	1.0	24.25
1001	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	1	20.75	3.5	24.25
1002	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	1	20.75	3.5	24.25
1003	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BJA013696	1	24.25		24.25
1004	Vũ Hương	Hà	TND006516	1	20.75	3.5	24.25
1005	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	1	23.25	1.0	24.25
1006	Phạm Thị	Lan	HDT013272	1	22.75	1.5	24.25
1007	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	1	22.75	1.5	24.25
1008	Kha Thị	Linh	TDV016493	1	20.75	3.5	24.25
1009	Đình Thị	Thu	TQU005345	1	22.75	1.5	24.25
1010	Phùng Thị	Hồng	SPH007055	1	23.25	1.0	24.25
1011	Hoàng Thị	Thanh	HDT022544	1	22.75	1.5	24.25
1012	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	THV007570	1	23.75	0.5	24.25
1013	Nguyễn Hương	Giang	SPH004550	1	23.25	1.0	24.25
1014	Bùi Thị Thu	Thảo	TLA012433	1	23.25	1.0	24.25
1015	Nguyễn Văn	Tuấn	TQU006149	1	22.75	1.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	1	23.75	0.5	24.25
1017	Hoàng Phương	Thúy	TND024993	1	20.75	3.5	24.25
1018	Trịnh Thị Bích	Ngọc	TTB004420	1	22.75	1.5	24.25
1019	Đỗ Quân	Thái	SPH015176	1	23.75	0.5	24.25
1020	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	1	23.25	1.0	24.25
1021	Nguyễn Thu	Phương	SPH013800	1	23.75	0.5	24.25
1022	Đào Duy	Hải	TLA004256	1	23.75	0.5	24.25
1023	Hoàng Thị	Hường	KQH006851	3	20.50	3.5	24.00
1024	Trần Thu	Huyền	TQU002515	2	20.50	3.5	24.00
1025	Ngô Văn	Chính	THP001673	2	23.00	1.0	24.00
1026	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	2	22.50	1.5	24.00
1027	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029685	2	23.00	1.0	24.00
1028	Đinh Thị	Phương	TDL011197	2	22.50	1.5	24.00
1029	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	2	23.50	0.5	24.00
1030	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	2	23.00	1.0	24.00
1031	Chu Tú	Anh	TND000127	2	20.50	3.5	24.00
1032	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	2	23.00	1.0	24.00
1033	Ma Thị	Lan	TQU002923	2	20.50	3.5	24.00
1034	Phạm Thị	Hiền	HDT008582	2	22.50	1.5	24.00
1035	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005348	2	23.00	1.0	24.00
1036	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	2	23.50	0.5	24.00
1037	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	2	20.50	3.5	24.00
1038	Hoàng Kim	Cúc	TND002938	2	20.50	3.5	24.00
1039	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	2	23.50	0.5	24.00
1040	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	2	22.50	1.5	24.00
1041	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	2	20.50	3.5	24.00
1042	Phùng Văn	Pu	TND020306	2	20.50	3.5	24.00
1043	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TND007016	2	23.50	0.5	24.00
1044	Nguyễn Thị	Nhung	TTB004592	2	22.50	1.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Phùng Thị	Oanh	TND019393	2	20.50	3.5	24.00
1046	Vũ Thị	Nữ	TND019228	2	22.50	1.5	24.00
1047	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	1	20.50	3.5	24.00
1048	Hoàng Thị Huyền	Trang	THV013712	1	22.50	1.5	24.00
1049	Đỗ Kiều	Nga	HDT017325	1	23.50	0.5	24.00
1050	Nguyễn Thị Lan	Anh	THV000460	1	22.50	1.5	24.00
1051	Vương Trịnh	Huấn	TND010011	1	20.50	3.5	24.00
1052	Lò Văn	Mạnh	TTB003915	1	20.50	3.5	24.00
1053	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	1	20.50	3.5	24.00
1054	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	1	23.50	0.5	24.00
1055	Nguyễn Thu	Hà	HDT006891	1	23.00	1.0	24.00
1056	Tấn San	Mấy	THV008633	1	20.50	3.5	24.00
1057	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	1	20.50	3.5	24.00
1058	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007012	1	23.50	0.5	24.00
1059	Hoàng Thị	Thắm	TND023427	1	20.50	3.5	24.00
1060	Nông Thị Như	Quỳnh	THV011161	1	20.50	3.5	24.00
1061	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	1	20.50	3.5	24.00
1062	Hoàng Hồng	Thoa	TND024081	1	20.50	3.5	24.00
1063	Vàng Thị	Dếnh	TTB001001	1	20.50	3.5	24.00
1064	Vừ Lao	Vàng	TTB007401	1	20.50	3.5	24.00
1065	Nguyễn Thị	Thơm	TND024255	1	22.50	1.5	24.00
1066	Vàng Thị	Cao	THV001139	1	20.50	3.5	24.00
1067	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	1	20.50	3.5	24.00
1068	Phạm Thị	Lý	HDT015892	1	22.50	1.5	24.00
1069	Hà Thị	Duyên	TND004294	1	20.50	3.5	24.00
1070	Ngô Thị	Hà	HDT006762	1	22.50	1.5	24.00
1071	Phạm Thị	Thu	THV012854	1	22.50	1.5	24.00
1072	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	1	22.50	1.5	24.00
1073	Lò Văn	Thủy	TTB006374	1	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Vũ Thị	Mây	TND016358	1	22.50	1.5	24.00
1075	Hoàng Thị	Dung	HDT003801	1	23.00	1.0	24.00
1076	Dương Thị	Thu	TQU005343	1	20.50	3.5	24.00
1077	Lý Thị	Niệm	TND019129	1	20.50	3.5	24.00
1078	Lương Thị	Thủy	TQU005461	1	20.50	3.5	24.00
1079	Trần Thị Hải	Yến	SPH019900	1	22.50	1.5	24.00
1080	Đỗ Thị Hoàng	Anh	SPH000227	1	23.00	1.0	24.00
1081	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	2	22.25	1.5	23.75
1082	Trần Hữu	Đức	TDV006981	2	23.25	0.5	23.75
1083	Nguyễn Ngọc	ánh	THV000805	2	22.25	1.5	23.75
1084	Chu Thị	Hồng	TND009691	2	20.25	3.5	23.75
1085	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	2	22.25	1.5	23.75
1086	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	2	23.25	0.5	23.75
1087	Ngô Thị	Hằng	TND007355	2	22.75	1.0	23.75
1088	Nguyễn Thị	Trang	LNH009851	2	23.25	0.5	23.75
1089	Hoàng Thị	Mai	TDV018620	2	22.75	1.0	23.75
1090	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	2	23.25	0.5	23.75
1091	Hoàng Thị	Xuân	HVN012416	2	22.75	1.0	23.75
1092	Trần Thị	Tâm	TND022148	2	20.25	3.5	23.75
1093	Vũ Thị Tú	Linh	TDV017454	2	22.75	1.0	23.75
1094	Dương Thị	Thanh	TND022393	2	22.75	1.0	23.75
1095	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	2	23.25	0.5	23.75
1096	Lê Đình	Tuấn	HDT028213	2	22.75	1.0	23.75
1097	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	2	22.25	1.5	23.75
1098	Nông Thị	Thơm	TND024271	1	20.25	3.5	23.75
1099	Dương Thị	Sâm	HDT021448	1	22.75	1.0	23.75
1100	Mai Thị	Oanh	HDT019239	1	20.25	3.5	23.75
1101	Nguyễn Thị Bích	Hiền	HVN003399	1	23.25	0.5	23.75
1102	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	1	22.25	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Hoàng Văn	Kiệm	TTB003199	1	20.25	3.5	23.75
1104	Trương Thị	Nhung	TND019052	1	22.25	1.5	23.75
1105	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001785	1	22.25	1.5	23.75
1106	Nguyễn Hữu	Phước	KHA007875	1	22.75	1.0	23.75
1107	Hoàng Thùy	Linh	TND014211	1	20.25	3.5	23.75
1108	Bùi Thị	Mừng	HHA009361	1	22.25	1.5	23.75
1109	Nguyễn Lan	Anh	KQH000363	1	22.25	1.5	23.75
1110	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	1	22.25	1.5	23.75
1111	Vũ Thị Minh	Hòa	LNH003555	1	22.25	1.5	23.75
1112	Phạm Thị Hồng	ánh	THV000840	1	22.25	1.5	23.75
1113	Lò Văn	Chưởng	TTB000807	1	20.25	3.5	23.75
1114	Ma Việt	Hoàng	TND009457	1	20.25	3.5	23.75
1115	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	1	22.25	1.5	23.75
1116	Lương Thị	Phương	TDV023878	1	22.75	1.0	23.75
1117	Nông Phan Trung	Đức	TND005650	1	20.25	3.5	23.75
1118	Nguyễn Mỹ	Linh	THV007540	1	23.25	0.5	23.75
1119	Lê Thị	Thắm	TND023438	1	20.25	3.5	23.75
1120	Linh Văn	Phong	TND019536	1	20.25	3.5	23.75
1121	Quảng Văn	Kẻo	TTB003029	1	20.25	3.5	23.75
1122	Triệu Thị	Tấn	TND022238	1	20.25	3.5	23.75
1123	Nguyễn Bùi Thu	Hiền	KQH004538	1	20.25	3.5	23.75
1124	Đỗ Văn	Thiện	SPH016094	1	23.25	0.5	23.75
1125	Vũ Thị	Tư	YTB024658	1	22.75	1.0	23.75
1126	Trần Đức	Dũng	HDT004396	2	22.50	1.0	23.50
1127	Vũ Thị Thanh	Hiền	THV004398	2	22.00	1.5	23.50
1128	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	2	22.50	1.0	23.50
1129	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	2	22.00	1.5	23.50
1130	Vi Phương	Thảo	TDV028494	2	20.00	3.5	23.50
1131	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	2	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1132	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	2	22.50	1.0	23.50
1133	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	2	20.00	3.5	23.50
1134	Tô Thị	Hường	TND012241	2	20.00	3.5	23.50
1135	Nông Văn	Quân	TND020573	2	20.00	3.5	23.50
1136	Nguyễn Thị	Ngọc	HHA010156	2	23.00	0.5	23.50
1137	Quàng Thị	Phượng	TTB004924	2	20.00	3.5	23.50
1138	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007942	2	22.50	1.0	23.50
1139	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	2	22.00	1.5	23.50
1140	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	2	22.50	1.0	23.50
1141	Trần Ngọc	ánh	THV000852	2	22.00	1.5	23.50
1142	Nguyễn Thị	Trâm	YTB023250	2	22.50	1.0	23.50
1143	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	1	20.00	3.5	23.50
1144	Trần Hương	Ly	SPH010876	1	23.50		23.50
1145	Ma Thị	Thảo	TQU005070	1	20.00	3.5	23.50
1146	Đặng Mai	Huyền	HHA006245	1	23.00	0.5	23.50
1147	Bế Thị	Huyền	TND010967	1	20.00	3.5	23.50
1148	Vũ Thị Thùy	Linh	YTB013198	1	22.50	1.0	23.50
1149	Nguyễn Thị Lan	Chi	TND002281	1	20.00	3.5	23.50
1150	Hà Thị	Huynh	TQU002531	1	20.00	3.5	23.50
1151	Chu Thị Bích	Loan	TND014918	1	20.00	3.5	23.50
1152	Sông A	Quả	TTB005002	1	20.00	3.5	23.50
1153	Đàm Thị Thanh	Duyên	TND004283	1	20.00	3.5	23.50
1154	Lê Thị	Tâm	SPH015067	1	22.00	1.5	23.50
1155	Dương Thị	Liểu	TND013923	1	20.00	3.5	23.50
1156	Đinh Thị Thu	Huyền	TQU002401	1	22.00	1.5	23.50
1157	Quàng Thị	Hỏa	TTB002400	1	20.00	3.5	23.50
1158	Đặng Thị	Trang	HDT026302	1	22.00	1.5	23.50
1159	Bùi Khánh	Huyền	TTB002776	1	22.00	1.5	23.50
1160	Nguyễn Thị	Hiền	TDV009941	1	23.00	0.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1161	Hoàng Thị	Huế	TND010051	1	20.00	3.5	23.50
1162	Sĩ Thị Thanh	Thúy	HVN010450	1	22.50	1.0	23.50
1163	Đỗ Thị	Hồng	YTB008940	1	22.50	1.0	23.50
1164	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	1	20.00	3.5	23.50
1165	Thào A	Sam	TTB005250	1	20.00	3.5	23.50
1166	Quàng Thị	Tiến	TTB006589	1	20.00	3.5	23.50
1167	Hoàng Thị	Hồng	HDT010055	1	22.50	1.0	23.50
1168	Sùng A	Vảng	TTB007405	1	20.00	3.5	23.50
1169	Nguyễn Thị	Hợp	TDV012355	2	21.75	1.5	23.25
1170	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	2	22.25	1.0	23.25
1171	Trần Thị	Nga	THP010043	2	22.25	1.0	23.25
1172	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	2	22.25	1.0	23.25
1173	Lê Thị	Khánh	HDT012671	2	22.25	1.0	23.25
1174	Cao Thị	Thơm	THP013977	2	22.25	1.0	23.25
1175	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	2	19.75	3.5	23.25
1176	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	2	21.75	1.5	23.25
1177	Quách Thị	Châm	LNH000911	2	19.75	3.5	23.25
1178	Lò Thị	Thanh	TTB005812	2	19.75	3.5	23.25
1179	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	2	21.75	1.5	23.25
1180	Phàn Mùi	Mấy	TQU003577	2	19.75	3.5	23.25
1181	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	2	21.75	1.5	23.25
1182	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	2	19.75	3.5	23.25
1183	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	2	22.25	1.0	23.25
1184	Hoàng Hồng	Hạnh	KQH003939	2	19.75	3.5	23.25
1185	Hồ A	Lênh	THV007142	2	19.75	3.5	23.25
1186	Hoàng Thị	Mến	THV008642	2	21.75	1.5	23.25
1187	Vĩ Văn	Son	THV011363	1	19.75	3.5	23.25
1188	Trần Quốc	Huân	TQU002169	1	19.75	3.5	23.25
1189	Lê Thị Lệ	Quyến	TND020902	1	21.75	1.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1190	Đặng Thị	Lan	HDT013138	1	22.25	1.0	23.25
1191	Vũ Thị Huyền	Trang	TLA014338	1	22.25	1.0	23.25
1192	Phạm Thị	Lam	HDT013083	1	21.75	1.5	23.25
1193	Trần Thị	Nhàn	SPH012889	1	21.75	1.5	23.25
1194	Hoàng Thị	Trang	TND026192	1	19.75	3.5	23.25
1195	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	1	22.25	1.0	23.25
1196	Hà Thị Linh	Chi	HDT002506	1	22.25	1.0	23.25
1197	Ngô Thị Thu	Thảo	KQH012602	1	22.75	0.5	23.25
1198	Mã Thị Hoài	Anh	TND000544	1	19.75	3.5	23.25
1199	Giàng A	Dơ	THV001993	1	19.75	3.5	23.25
1200	Ngô Phương	Đông	YTB005139	1	22.25	1.0	23.25
1201	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	1	22.25	1.0	23.25
1202	Vũ Minh	Tú	TND027617	1	21.75	1.5	23.25
1203	Vũ Thị	Vân	SPH019334	1	22.25	1.0	23.25
1204	Quách Văn	Long	TQU003359	1	19.75	3.5	23.25
1205	Nguyễn Thị	Hiền	THV004312	1	21.75	1.5	23.25
1206	Hoàng Thị Nhật	Lệ	THP007990	1	22.25	1.0	23.25
1207	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	1	22.75	0.5	23.25
1208	Đào Thị	Bích	HDT002076	1	22.25	1.0	23.25
1209	Lê Thị Nhật	Lệ	TTB003409	1	21.75	1.5	23.25
1210	Phan Thị	Tình	TND025687	1	19.75	3.5	23.25
1211	Phan Thị	Hằng	DCN003503	1	22.75	0.5	23.25
1212	Ma Xuân	Thành	TQU004988	1	19.75	3.5	23.25
1213	Phạm Thị	Trang	THV013962	3	21.50	1.5	23.00
1214	Hoàng Thị	Thủy	TND024798	2	19.50	3.5	23.00
1215	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	2	22.00	1.0	23.00
1216	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	2	19.50	3.5	23.00
1217	Lò Thị	Chung	TTB000738	2	19.50	3.5	23.00
1218	Nguyễn Thị	Thanh	THV011888	2	21.50	1.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1219	Hồ Thị	Yến	TDV036873	2	22.00	1.0	23.00
1220	Trần Thương	Thương	THV013317	2	19.50	3.5	23.00
1221	Lý Thị Mỹ	Lệ	TND013703	2	19.50	3.5	23.00
1222	Vì Thị	Phượng	TND020125	2	19.50	3.5	23.00
1223	Đào Thị	Thu	HVN010083	2	22.00	1.0	23.00
1224	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	1	22.00	1.0	23.00
1225	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	1	22.50	0.5	23.00
1226	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	1	22.00	1.0	23.00
1227	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	1	19.50	3.5	23.00
1228	Vũ Thị	Thu	TDV029960	1	22.00	1.0	23.00
1229	Nông Thùy	Linh	TND014648	1	19.50	3.5	23.00
1230	Trần Thị	Dịu	TLA002418	1	22.00	1.0	23.00
1231	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	1	19.50	3.5	23.00
1232	Đinh Thị	Vường	DCN013278	1	19.50	3.5	23.00
1233	Bùi Thùy	Ninh	HHA010694	1	22.50	0.5	23.00
1234	Nguyễn Thị Linh	Trang	THP015178	1	22.50	0.5	23.00
1235	Bùi Văn	Bằng	HDT002039	1	19.50	3.5	23.00
1236	Vàng A	Lố	TTB003711	1	19.50	3.5	23.00
1237	Đặng Văn	Anh	TND000277	1	21.50	1.5	23.00
1238	Lành Thúy	Ngân	TND017559	1	19.50	3.5	23.00
1239	Lường Thị	Dương	TTB001351	1	19.50	3.5	23.00
1240	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	TTB005207	1	21.50	1.5	23.00
1241	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	1	21.50	1.5	23.00
1242	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	1	19.50	3.5	23.00
1243	Lê Thị	Nhị	HDT018604	1	22.00	1.0	23.00
1244	Nguyễn Tuấn	Thành	TND022677	1	19.50	3.5	23.00
1245	Nguyễn Thị Thu	Huyền	TLA006382	1	22.00	1.0	23.00
1246	Lâu A	Hồng	TTB002567	1	19.50	3.5	23.00
1247	Vũ Thị	Lý	HDT015908	1	22.00	1.0	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1248	Vi Thị Bích	Văn	TND029201	1	19.50	3.5	23.00
1249	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	1	22.50	0.5	23.00
1250	Nguyễn Minh	Chuyên	THV001555	1	21.50	1.5	23.00
1251	Triệu Văn	Kiểm	TTN008874	2	19.25	3.5	22.75
1252	Nông Thị Hồng	Thẩm	TND023461	2	19.25	3.5	22.75
1253	Trần Thị	Hậu	SPH005825	2	19.25	3.5	22.75
1254	Bùi Thị	Hà	HDT006522	2	19.25	3.5	22.75
1255	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	2	21.75	1.0	22.75
1256	Lù Ti	Hình	THV004692	2	19.25	3.5	22.75
1257	Hà Kiều	Ly	THV008266	2	19.25	3.5	22.75
1258	La Phương	Thẩm	TND023432	2	19.25	3.5	22.75
1259	Phạm Văn	Long	YTB013481	2	21.75	1.0	22.75
1260	Nguyễn Thanh	Tuấn	TND027906	2	19.25	3.5	22.75
1261	Trần Thị Thùy	Dương	HDT004993	1	21.75	1.0	22.75
1262	Phạm Thị	Hòa	HDT009495	1	21.25	1.5	22.75
1263	Chu Thị Lan	Hương	TND011680	1	21.25	1.5	22.75
1264	Nguyễn Thị Bích	Phượng	THV010635	1	21.25	1.5	22.75
1265	Tấn Xoang	Lồng	THV008077	1	19.25	3.5	22.75
1266	Nguyễn Thị	Linh	TND014493	1	19.25	3.5	22.75
1267	Lê Thị Minh	Hiếu	SPH006258	1	21.25	1.5	22.75
1268	Trần Văn	Tuấn	TND028031	1	19.25	3.5	22.75
1269	Doãn Thị Lâm	Phượng	TDV023739	1	21.25	1.5	22.75
1270	Nguyễn Bá	Huỳnh	TND011482	1	19.25	3.5	22.75
1271	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	1	22.75		22.75
1272	Hoàng Văn	Sang	TND021309	1	19.25	3.5	22.75
1273	Ngôn Nguyệt	ánh	TND001341	1	19.25	3.5	22.75
1274	Đinh Thị Kim	Xuyến	TND029851	1	19.25	3.5	22.75
1275	Hoàng Văn	Nhật	YTB016209	1	21.75	1.0	22.75
1276	Nguyễn Thị	Chang	TTB000488	1	21.25	1.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1277	Nông Đức	Hoàng	TQU002085	1	19.25	3.5	22.75
1278	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	1	19.25	3.5	22.75
1279	Trương Thị Thùy	Linh	TQU003285	1	21.25	1.5	22.75
1280	Quách Thị	Oanh	TLA010689	1	22.25	0.5	22.75
1281	Sùng A	Ná	TTB004102	2	19.00	3.5	22.50
1282	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	2	19.00	3.5	22.50
1283	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	2	21.50	1.0	22.50
1284	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	2	21.00	1.5	22.50
1285	Phạm Thị	Lan	HVN005564	2	21.50	1.0	22.50
1286	Lương Thị	Phường	TND020146	1	19.00	3.5	22.50
1287	Vũ Thị	Thu	BKA012568	1	21.50	1.0	22.50
1288	Nông Thị Bích	Thảo	TND023242	1	19.00	3.5	22.50
1289	Phan Kim	Hoàn	THV004952	1	21.00	1.5	22.50
1290	Nông Thị Hải	Yến	TND030108	1	19.00	3.5	22.50
1291	Giàng Thị	Che	TTB000535	1	19.00	3.5	22.50
1292	Vương Thị	Lan	TQU002948	1	19.00	3.5	22.50
1293	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	2	21.25	1.0	22.25
1294	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	2	21.75	0.5	22.25
1295	Phàn A	ỏn	THV010150	1	18.75	3.5	22.25
1296	Bùi Thị	Lựa	LNH005706	1	18.75	3.5	22.25
1297	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	1	20.75	1.5	22.25
1298	Dương Thị	Bình	TDV002454	1	20.75	1.5	22.25
1299	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	1	21.25	1.0	22.25
1300	Nguyễn Thị	Nga	TDV020522	1	21.25	1.0	22.25
1301	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	1	21.75	0.5	22.25
1302	Dào Thu	Hương	TND011684	1	18.75	3.5	22.25
1303	Trương Thị	Xinh	HDT030143	1	18.75	3.5	22.25
1304	Hoàng Thị	Lưỡng	TQU003434	1	18.75	3.5	22.25
1305	Sùng Seo	Vảng	THV015071	1	18.75	3.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1306	Triệu Đức	Hương	TND012030	1	18.75	3.5	22.25
1307	Triệu Thị	Oanh	HDT019308	1	18.75	3.5	22.25
1308	Nông Thị	Huyền	TQU002400	1	18.75	3.5	22.25
1309	Vũ Thị Thu	Hương	TTN008375	1	20.75	1.5	22.25
1310	Trương Thị	Vân	TLA015511	1	21.25	1.0	22.25
1311	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	1	20.75	1.5	22.25
1312	Nông Thảo	Lam	TND013196	1	18.75	3.5	22.25
1313	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	1	18.75	3.5	22.25
1314	Nguyễn Thiện	Trường	SPH018247	1	21.75	0.5	22.25
1315	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	1	21.75	0.5	22.25
1316	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	1	21.25	1.0	22.25
1317	Đỗ Thị Thu	Hà	KHA002730	1	22.25		22.25
1318	Giàng Thị	Mây	TTB003961	1	18.75	3.5	22.25
1319	Lê Hồng	Sơn	KQH011840	2	21.50	0.5	22.00
1320	Đinh Thị	Hương	TND011720	2	20.50	1.5	22.00
1321	Lý Bảo	Duy	TND004172	2	18.50	3.5	22.00
1322	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	2	21.00	1.0	22.00
1323	Lưu Thị	Thoa	TND024098	2	18.50	3.5	22.00
1324	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009707	1	22.00		22.00
1325	Hà Thị	Trà	TND025944	1	18.50	3.5	22.00
1326	Vũ Thị Anh	Đào	DCN002239	1	21.00	1.0	22.00
1327	Lê Thị Mỹ	Linh	TLA007817	1	21.00	1.0	22.00
1328	Lê Việt	Hoàng	TLA005555	1	22.00		22.00
1329	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	1	18.50	3.5	22.00
1330	Lê Thị Kiều	Oanh	HDT019209	1	18.50	3.5	22.00
1331	Bùi Phương	Yên	HDT030273	1	18.50	3.5	22.00
1332	Đặng Hiền	Lương	KHA006255	1	21.00	1.0	22.00
1333	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	1	21.50	0.5	22.00
1334	Hà Thị	Hằng	THV004010	1	20.50	1.5	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1335	Phan Thành	Nghệ	KQH009725	1	21.50	0.5	22.00
1336	Lê Nữ Thùy	Linh	DHU011077	1	21.00	1.0	22.00
1337	Phạm Thị	Linh	TDV017172	1	21.00	1.0	22.00
1338	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	1	20.50	1.5	22.00
1339	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	1	20.50	1.5	22.00
1340	Hoàng Thị	Thiệp	TND023910	1	18.50	3.5	22.00
1341	Hà Duy	Khánh	LNH004763	1	18.50	3.5	22.00
1342	Ma Hải	Giang	TND005870	1	18.50	3.5	22.00
1343	Nguyễn Thị Kiều	Trang	TTB006792	1	20.50	1.5	22.00
1344	Nguyễn Đức	Doanh	TND003591	1	18.50	3.5	22.00
1345	Lương Minh	Phụng	HDT019590	1	18.50	3.5	22.00
1346	Lường Thị	Xuân	TTB007629	1	18.50	3.5	22.00
1347	Bùi Ngọc	Huyền	LNH004127	1	18.50	3.5	22.00
1348	Hà Thị	Nhiên	TQU004074	2	20.25	1.5	21.75
1349	Trần Thị	Luyến	TQU003413	1	18.25	3.5	21.75
1350	Trần Thị Hồng	Chinh	DCN001295	1	19.25	2.5	21.75
1351	Đặng Mùi	Mui	TND016739	1	18.25	3.5	21.75
1352	Ngô Văn	Thuận	TND024534	1	18.25	3.5	21.75
1353	Phạm Viết	Khởi	THP007553	1	21.25	0.5	21.75
1354	Nguyễn Thị	Thảo	THP013415	1	20.75	1.0	21.75
1355	Phan Thị	Phương	TND020040	1	20.25	1.5	21.75
1356	Nguyễn Thanh	Tâm	TND022112	1	18.25	3.5	21.75
1357	Từ Thị	Tuyến	TND028583	1	18.25	3.5	21.75
1358	Lìm Thị	Luyến	THV008152	1	18.25	3.5	21.75
1359	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	2	18.00	3.5	21.50
1360	Lê Thị	Trang	TLA013996	2	20.50	1.0	21.50
1361	Mào Thị	Duyên	TTB001293	2	18.00	3.5	21.50
1362	Đào Bích	Ngọc	THV009420	2	18.00	3.5	21.50
1363	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	2	20.00	1.5	21.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1364	Đào Hồng	Oanh	TND019265	1	18.00	3.5	21.50
1365	Nguyễn Thị	Tuyết	HDT029103	1	18.00	3.5	21.50
1366	Vàng Thị	Chăm	THV001185	1	18.00	3.5	21.50
1367	Trịnh Thị Vân	Anh	HDT001630	1	20.00	1.5	21.50
1368	Triệu Thị	Huyền	TQU002506	1	18.00	3.5	21.50
1369	Nguyễn Thị	Hường	KQH006891	1	21.00	0.5	21.50
1370	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	1	18.00	3.5	21.50
1371	Chu Thị	Nhung	TND018767	1	18.00	3.5	21.50
1372	Nguyễn Đình	Chiều	TTB000609	1	20.00	1.5	21.50
1373	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	1	20.50	1.0	21.50
1374	Trần Quốc	Khoa	TDV015108	1	20.00	1.5	21.50
1375	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	1	18.00	3.5	21.50
1376	Khoàng Thị	Tuyết	TTB007298	1	18.00	3.5	21.50
1377	Nguyễn Văn	Đạt	THP003039	1	20.50	1.0	21.50
1378	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	1	20.00	1.5	21.50
1379	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	1	18.00	3.5	21.50
1380	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	2	19.75	1.5	21.25
1381	Bế Ngọc	Hải	TND006560	2	17.75	3.5	21.25
1382	Đình Kiều	Anh	TND000234	2	17.75	3.5	21.25
1383	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	2	20.75	0.5	21.25
1384	Nguyễn Thị	Mai	LNH005950	1	20.75	0.5	21.25
1385	Lê Văn	Đức	HDT005906	1	20.25	1.0	21.25
1386	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	1	20.25	1.0	21.25
1387	Lê Mạnh	Cường	SPH002799	1	21.25		21.25
1388	Vũ Thị	Thanh	THP013104	1	20.75	0.5	21.25
1389	Vi Thị	Thao	TND022768	1	17.75	3.5	21.25
1390	Phan Thị Thanh	Nhàn	TDV021838	1	20.75	0.5	21.25
1391	Nông Thị	Nhung	TND018993	1	17.75	3.5	21.25
1392	Trần Thị	Huyền	HDT011658	1	20.25	1.0	21.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1393	Hoàng Thị	Hoàn	TND009279	1	17.50	3.5	21.00
1394	Phương Thị	Xanh	TND029725	1	17.50	3.5	21.00
1395	Hoàng Thị Kim	Uyên	TQU006362	1	17.50	3.5	21.00
1396	Giàng A	Minh	TTB003997	1	17.50	3.5	21.00
1397	Phạm Thị	Bến	HDT002070	1	19.50	1.5	21.00
1398	Giàng A	Cu	TTB000851	1	17.50	3.5	21.00
1399	Nông Thị Thu	Trà	TND025976	1	17.50	3.5	21.00
1400	Tô Lan	Hương	THV006312	1	19.50	1.5	21.00
1401	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	1	19.50	1.5	21.00
1402	Lò Thị	Thuận	TTB006312	1	17.50	3.5	21.00
1403	Lò Thị	Hoài	TTB002407	1	17.50	3.5	21.00
1404	Vũ Thành	Duy	TND004268	2	19.25	1.5	20.75
1405	Trần Đăng	Sỹ	YTB018898	2	19.75	1.0	20.75
1406	Dương Thị	Cúc	TQU000628	1	17.25	3.5	20.75
1407	Lê Thị	Huyền	YTB009944	1	19.75	1.0	20.75
1408	Lê Thị	Sơn	HDT021668	1	19.25	1.5	20.75
1409	Nguyễn Thị	Thảo	NLS011419	1	19.25	1.5	20.75
1410	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	1	20.25	0.5	20.75
1411	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	2	20.00	0.5	20.50
1412	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	2	19.00	1.5	20.50
1413	Hà Thị	Linh	TQU003099	1	17.00	3.5	20.50
1414	Hoàng Thế	Ngọc	HHA010066	1	20.00	0.5	20.50
1415	Vi Thị	Hiền	TQU001751	1	19.00	1.5	20.50
1416	Sùng A	Tá	TTB005495	1	17.00	3.5	20.50
1417	Nông Thành	Vinh	THV015293	1	17.00	3.5	20.50
1418	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	1	18.75	1.5	20.25
1419	Nguyễn Kiều	Anh	TDV000800	1	19.25	1.0	20.25
1420	Đinh Thị Hồng	Thanh	HHA012419	1	19.75	0.5	20.25
1421	Giàng Thị	Dinh	THV001961	1	16.50	3.5	20.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1422	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	1	16.50	3.5	20.00
1423	Thào A	Tăng	TTB005526	1	16.50	3.5	20.00
1424	Nguyễn Thị	Mai	TND016007	1	18.50	1.5	20.00
1425	Hà Thị	Huyền	TND011064	1	16.50	3.5	20.00
1426	Lục Thị Quỳnh	Ngọc	TND017957	1	16.50	3.5	20.00
1427	Nguyễn Đình	Hải	TND006673	1	16.25	3.5	19.75
1428	Bàn Thị	Dung	TND003637	1	16.25	3.5	19.75
1429	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	1	16.00	3.5	19.50
1430	Phan Thanh	Lịch	TND013784	1	16.00	3.5	19.50
1431	Nguyễn Quang	Sơn	TTB005416	1	18.00	1.5	19.50
1432	Nguyễn Ngọc	Cân	KQH001191	1	18.50	1.0	19.50
1433	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	1	18.50	1.0	19.50
1434	Nguyễn Thị	Sen	DHU019430	1	18.25	1.0	19.25
1435	Triệu Thị	Hạnh	TND007069	1	15.75	3.5	19.25
1436	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	1	17.75	1.5	19.25
1437	Cà Thị	Hoa	TTB002291	1	15.50	3.5	19.00
1438	Bàn Văn	Dũng	TTB001186	1	15.50	3.5	19.00
1439	Đình Thị Thu	Thảo	THV012126	1	17.50	1.5	19.00
1440	Ksor Y	Sơn	NLS010470	1	15.50	3.5	19.00
1441	Vàng Ngọc	Cương	THV001721	1	15.50	3.5	19.00
1442	Bùi Xuân	Thức	TDV030887	1	17.50	1.5	19.00
1443	Mùa A	Cầu	TTB000470	1	15.50	3.5	19.00
1444	Lục Thị	Tâm	TND022059	1	15.25	3.5	18.75
1445	Nguyễn Thị	Trang	THV013904	1	17.25	1.5	18.75
1446	Trương Đức	Quý	LNH007630	2	15.00	3.5	18.50
1447	Phạm Ngọc	Hoa	TQU001935	1	17.00	1.5	18.50
1448	Sùng A	Chô	THV001465	1	15.00	3.5	18.50
1449	Phạm Thị	Thanh	THP013075	1	18.00	0.5	18.50
1450	Lò Minh	Tiến	TTB006573	1	15.00	3.5	18.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

Trang 51

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1451	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	1	16.75	1.5	18.25
1452	Vũ Thị	Huyền	YTB010311	1	17.00	1.0	18.00
1453	Trần Thị Minh	Nguyệt	TTN013012	1	16.50	1.5	18.00
1454	Lê Trung	Kiên	THV006740	1	15.50	2.5	18.00
1455	Phạm Thị	Hằng	HHA004422	1	17.25	0.5	17.75
1456	Nguyễn Viết	Tiến	KQH014099	1	17.00	0.5	17.50
1457	Khổng Thị	Yến	HHA016534	1	16.75	0.5	17.25
1458	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	1	16.75	0.5	17.25
1459	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	1	15.25	1.5	16.75
1460	Ngô Thế	Quỳnh	SPH014503	1	16.25	0.5	16.75
1461	Hoàng Thanh	Tài	TTB005499	1	15.00	1.5	16.50
1462	Cao Thị	Hoàn	HDT009682	1	15.00	1.5	16.50
1463	Bùi Thị	Hằng	YTB006871	2	15.00	1.0	16.00
1464	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	2	15.00	0.5	15.50
1465	Đinh Thị	Ngọc	HDT017887	1	14.50	1.0	15.50
1466	Hoàng Tiến	Dũng	THV002193	1	11.75	3.5	15.25
1467	Triệu Trung	Vĩnh	TND029463	1	11.50	3.5	15.00
1468	Lò Văn	Thanh	TTB005679	1	11.50	3.5	15.00
1469	Nguyễn Hà	Trang	TTB006777	1	13.50	1.5	15.00

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU